

## ĐẠI TỶ-LÔ-GIÁ-NA THÀNH PHẬT KINH SỐ QUYỂN 2

### **Phẩm 1: NHẬP MÔN CHÂN NGÔN TRỤ TÂM (Tiếp Theo)**

**Kinh nói:** Tôn quý đây là trời Na-la-diên, ngoại đạo chấp trời này vắng lặng, thường trụ bất động, và có phụ tướng tạo thành muôn vật, ví như người đứng đầu không làm nhưng cai trị, có quản lý trông coi mà làm, lại người đứng đầu năng tạo không có ai tôn quý hơn nữa, cho nên nói là Tôn quý.

Lại tông này chấp, Tôn quý là khắp tất cả đất, nước, gió, lửa, hư không. Xưa có vị Luận sư muốn hàng phục điều tông kia chấp, bèn đến đền thờ trời ngời ăn uống trên thân tượng vị trời ấy, người Tây phương cho rằng thức ăn uống còn dư là rất bất tịnh nên đều cùng nổi giận, Luận sư nói, như chỗ y cứ đâu há chẳng phải là đất, nước, gió, lửa, hư không trùm khắp tất cả mọi nơi ư? Đáp rằng: Đúng thế! Luận sư nói: Đó là đất, nước, lửa, gió, ngã cũng như thế, đem tướng nhập vào thì chỗ nào không đáng tức giận? những người kia im lặng, không trả lời được, cũng do không quán tự tánh của ngã, nên sinh vọng chấp như vậy.

**Kinh nói:** Tự nhiên: là một thứ chấp của ngoại đạo, tất cả pháp đều tự nhiên mà có, không do tạo tác, như hoa sen màu sắc tươi sạch, cái gì làm nhiễm được? Đầu mũi gai nhọn, đâu có ai vót thành? Do đó biết các pháp đều tự nó như vậy. Có sư vặn hỏi rằng, nay mắt ta thấy thế gian làm ra các loại thuyền, tàu, nhà, cửa, đều từ các duyên mà có, đâu phải tự nhiên thành, vì sao nói là tự như vậy? Nếu cho là có mà chưa rõ ràng, cho nên cần người công phát, tức là do duyên, không phải tự nhiên có.

**Kinh nói:** Nội ngã: Có người chấp, ngoài cái trong thân là tâm thì có ngã tánh riêng, có thể vận động thân này làm các việc. Người nạn vấn nói: Nếu như thế, thì ngã là vô thường. Vì sao? Vì nếu pháp là nhân thì từ nhân sinh đều là vô thường, nếu ngã vô thường thì tội phước quả báo đều là đoạn diệt, những thứ luận nghị như thế, cho đến so lường

nói rộng.

Kinh nói nhân lượng: nghĩa là chấp lượng của thân ngã bằng với thân người, thân nhỏ ngã cũng nhỏ, thân lớn ngã cũng lớn. Luận Trí Độ chép: Có người chấp thân lớn nhỏ tùy theo thân người, khi chết thân tan rã thân cũng ra trước, tức là cùng giống như đây, nhưng Tông kia cho rằng ngã là pháp thường trụ tự tại, nay đã tùy theo thân lớn nhỏ, tức là vô thường, do đó biết là không đúng.

Kinh nói Biến nghiêm: nghĩa là chấp thân ngã này có khả năng tạo ra các pháp, nhưng ở thế gian việc tôn nghiêm cao cả thì do ngã làm ra, cùng với chấp trời Tự tại có khác chút ít, như trong Luận có pháp tự tại, nói trời Tự tại vì sao không hết lòng làm cho người vui mà lại hết lòng làm cho người khổ, và phải biết có khổ có vui từ thương ghét mà sinh, do đó không tự tại. Biến nghiêm ở đây, đã là năng tạo các phước vui, nhưng không thể đem vui để dứt khổ, làm sao gọi là thường tự tại khắp?

**Kinh chép:** như thọ: nghĩa là các ngoại Đạo chấp, tất cả pháp cho đến bốn đại cây cỏ... đều có tuổi thọ, như cỏ cây thay đổi rồi tiếp tục sống, nên biết có mạng, lại ban đêm thì nó cuốn xếp lại, nên biết cũng có tình thức, để mà nghỉ ngủ. Người nạn vấn nói: Nếu thấy giết chết rồi sống lại, cho là có mạng sống thì người chặt đi một cành không mọc trở lại, chẳng lẽ không có mạng sao? Nếu buổi tối xếp lại (nói) cây có ngủ nghỉ thì dòng nước ngày đêm không dừng, chẳng lẽ lúc nào cũng thức ư? Điều do không quán tự tánh của ngã, nên sinh các thứ vọng kiến.

Kinh dạy, Bồ-đặc-già-la: Nghĩa là tông kia chấp có Số thủ thú (thường hưởng về các đường) đều là một ngã, thì chỉ tùy theo việc mà khác tên thôi. Nếu có từ đời này đến đời sau thì thần thức đó là thường, nếu thức thần là thường, vì sao nói có sinh tử, tử gọi là diệt ở chỗ này, sinh nói là có ra ở chỗ kia, vì thế không được nói thần là thường, Nếu vô thường thì không có ngã, như Độc Tử Đạo Nhân trong Phật Pháp và Thuyết Nhất Thiết Hữu Hộ, hai bộ này chấp có pháp ba đời, nếu chắc chắn có quá khứ, hiện tại, tương lai thì đồng có sắc thủ thú, mất ba thứ pháp ấn của Phật, các Bồ-tát ở Tây phương, tạo ra các thứ lượng để phá chấp của tông kia.

**Kinh nói:** Như thức: nghĩa là có một thứ chấp, thức này ở khắp tất cả mọi nơi, cho đến các cõi địa; thủy, hỏa, phong, hư không, thức đều khắp đủ trong đó, điều này cũng không đúng, nếu thần thức là khắp thường, thì lẽ ra có thể thấy nghe hay biết riêng, nhưng nay phải nhờ căn trần hòa hợp, mới có thức sinh thì thần thức của ông không dùng

được, lại như thần thức khắp trong năm đường, vì sao lại có sinh tử? Cho nên biết là không đúng.

**Kinh nói:** A-lại-da: nghĩa là chứa đựng nắm giữ, cũng là nghĩa nhà. Tông này nói: Có A-lại-da có thể giữ gìn thân này, có sự tạo tác chứa đựng muôn hình, thu nhiếp thì vô sở hữu, duỗi ra thì đầy khắp cả thế gian, không giống như nghĩa Thức thứ tám (A-lại-da) trong Phật pháp, nhưng mật ý Thế-tôn nói Như lai Tạng là A-lại-da, nếu người trong Phật pháp, không quán tướng thật tự tâm, phân biệt chấp trước, cũng đồng với ngã kiến.

**Kinh nói:** Thấy biết: Nghĩa là có ngoại đạo chấp, trong thân có thấy biết, những việc khổ, vui, lại có người chấp năng thấy, tức là chân ngã, luận Trí Độ chép: Mắt thấy sắc gọi là kiến, năm thức biết gọi là tri, đều là ngã chấp, tùy theo việc mà có tên khác nhau. Người vặn hỏi rằng: Ông nói năng kiến là ngã, mà kia có thể nghe, có thể xúc chạm biết, như thế có phải là ngã hay không? Nếu đều là ngã thì sáu căn, sáu trần (cảnh giới) không biết lẫn nhau, một không thể làm sáu, sáu không thể làm một, nếu có chẳng phải ngã thì cũng đồng với nghi, cho nên biết căn trần hòa hợp có sự hiểu biết, không có ngã riêng.

**Kinh nói:** Năng chấp, sở chấp: Nghĩa là có ngoại đạo nói, trong thân lìa thức tâm, có năng chấp riêng tức là chân ngã, có thể vận động thân, miệng, ý, làm các việc, hoặc có thuyết nói rằng, năng chấp chỉ là thức tâm, họ chấp cảnh giới, bèn nói chân ngã, ngã này ở khắp mọi nơi, nhưng tánh của thân, thọ, tâm, pháp ở trong, ở ngoài, đều từ duyên sinh, không có tự tánh, trong đó năng chấp sở chấp, chấp còn không thật có, huống chi là ngã ư? Cũng do không quán tự tánh của ngã, nên nói lời ấy.

**Kinh dạy:** Nội tri, ngoại tri: Cũng là tên khác của biết, chia thành hai chấp: Có người chấp nội tri là ngã, nghĩa trong thân có nội chứng riêng, chính là chân ngã, hoặc lấy ngoại tri làm ngã, nghĩa là biết được cảnh giới ngoại trần, tức là chân ngã.

**Kinh chép:** Xả-thản-phạm: nghĩa là cùng biết người ngoại đạo chấp đại đồng, nhưng bộ đảng khác nhau, nên đặc biệt nêu ra.

**Kinh nói:** Nhược Ma-nô-xà: Luận Trí Độ dịch là nhân, tức là người chấp, dịch đầy đủ phải nói là nhân sinh, đây là trời Tự tại của bộ loại ngoại đạo, chấp người thì từ người sinh, do đó lấy làm tên, Đường Tam Tạng nói ý sinh, là sai. Mạt-na là ý, nay nói mạt-nô, thanh chuyển nghĩa cũng khác, là lầm.

**Kinh nói:** Ma-nạp-bà: là bộ loại ngoại đạo trời Tỳ-nữ, dịch đúng

phải là Thắng Ngã, nói ngã ở trong thân tâm, rất là tốt đẹp, kia thường ở trong tâm, quán ngã cao khoảng một tấc: Luận Trí Độ cũng chép: Có người chấp, thần ở trong tâm, nhỏ như hạt cải, thanh tịnh gọi là tịnh sắc, hoặc như hạt đậu, cho đến một tấc, khi mới thọ thân, đầu tiên là trước khi thọ, ví như xương voi và sự thành thân, của nó như voi đã mạnh mẽ. Đường Tam Tạng dịch là Nho Đồng, là sai, Nho Đồng, tiếng Phạm là Ma-noa-ba, Hán dịch là nạp, nghĩa là khác, đó là lầm (hai danh từ này do Xà-lê Bồ-đề giải thích).

**Kinh chép:** Thường định sinh: Ngoại đạo kia chấp, ngã là thường trụ không thể phá hoại, tự nhiên thường sinh không có sinh lại, vì thế lấy đó làm tên.

**Kinh nói:** Thanh, phi thanh: Thanh tức là thanh luận của ngoại đạo, nếu chấp thanh hiện rõ, thể của thanh vốn có, đợi duyên hiện ra, thể tánh thường trụ, nếu chấp thanh sinh, thanh vốn sinh, đợi duyên sinh, sinh đã thường trụ, trong kia lại tự chia riêng mà chấp, như các chỗ khác giải thích rộng. Phi thanh: Khác với chấp trước, ấy chấp thanh là thường khắp, tông này đều bác bỏ là vô, rơi vào pháp vô thiện, ác, cũng không có chỗ thanh, chữ cho đây là thật.

**Kinh chép:** Nay Bí Mật Chủ! Các ngã phần ấy, từ xưa đến nay, phân chia tương ứng, mong cầu thuận lý giải thoát hữu. Trong kinh nêu sơ lược ba mươi việc, nếu tùy theo loại khác nhau thì có vô lượng, vô biên, như người ngồi được Tứ thiên thì chấp pháp này là thường lý chân thật, hoặc sinh ý nghĩ, ta phải đắc thiên, những ý niệm như thế đều tương ứng với ngã phần, so sánh có thể biết, đều do không quán tướng thật của ngã, chỉ do sự truyền trao cho nhau từ xưa đến nay, bắt chước theo kiến chấp này, mỗi người tự nói có Đại sư Bạc-già-phạm, do khéo tu Du-già, nên nay hiểu pháp này, lại giảng nói cho thế gian nghe, chỉ có đây là đạo rốt ráo, không còn đạo khác, như khi vào kiếp sơ chỉ có một trời, trước sinh phạm giới, lại khởi niệm rằng, nếu có chúng sinh, đến sống chung với ta thì tốt lắm?

Bấy giờ trên cõi trời có người qua đời sinh đến đó, người sinh ra trước liền nói rằng, do nguyện lực của ta, ông được sinh đến đây, ông chính là do ta đã sinh ra, nhưng kia cũng khởi niệm rằng, bậc đáng kính trọng kia có thể sinh chúng ta, liền cùng nhau thuận theo, chấp là đầu tiên có ngã, từ đó đến nay, nói là Phạm thiên vương có khả năng tạo ra thế gian, như thế lần lửa sinh vào chỗ hiểu biết quái lạ, không thể ghi nhớ, mong cầu thuận lý giải thoát. Thuận lý, tiếng Phạm là Du-kỳ, tức là ngày xưa hành giả tu Du-già nói họ được chân giải thoát là chỗ y cứ

của muôn vật. Nay thuận với hạnh kia mong cầu giải thoát, nên nói là đúng. Trên đây đều là phá hoại tâm trái lý nhân quả trong ngoài. Kế là nói tâm đầu tiên thuận theo lý, khéo thuận tức là tám tâm ở thế gian.

**Kinh chép:** Nay Bí Mật Chủ! Loại phàm phu như đứa trẻ ngu, giống như dê đực, thỉnh thoảng có một pháp tướng sinh, gọi là trì trai, kia suy nghĩ chỉ một ít phần này, sinh tâm vui mừng, thường luôn tu tập. Nay Bí Mật Chủ! Đó là hạt giống nghiệp lành bắt đầu phát sinh, Dê đực quả là trong súc sinh, tánh rất thấp hèn chỉ nhớ nghĩ đến cỏ, nước và sự dâm dục, ngoài ra không hiểu biết gì, do thuận theo ngữ pháp Tây phương đem dụ cho hạng phàm phu như đứa trẻ ngu không biết nhân quả thiện ác.

Thế gian từ xưa đến nay, xoay vần truyền trao cho nhau gọi là pháp lành, nhưng đem tâm trái lý tìm cầu bằng mọi cách thứ mà không thể được, sau đó bỗng nhiên tự nghĩ. Nay ta bớt ăn, trì trai, tức là pháp lành, nhưng chưa phải là bát quan trai giới trong Phật pháp, kia do tự răn dè ăn uống vừa đủ, liền biết công việc giảm ít, khiến ta ăn uống dễ đầy đủ, không sinh tìm cầu khổ nhọc. Bấy giờ, liền sinh chút phần tâm không mê đắm, tâm kia vui mừng lại được yên ổn, do thấy lợi ích này, thường có tu tập thì trước hết liền hiểu biết sự tinh diệu về nhân quả thiện ác, cho nên nói là hạt giống tâm.

**Kinh dạy:** Lại lấy đây làm nhân, trong sáu ngày trai, cúng cho cha mẹ, bà con nam nữ đó là mầm giống thứ hai, trong sáu ngày trai này, chính là trong luận Trí Độ nói: Đời trước có vị tiên đã chứng năm thần thông, khuyến khích vào ngày này nhịn ăn, đã thuận pháp lành, lại khỏi bị tai họa quỷ thần, như luận ấy có nói rộng. Nhờ đó mà dứt tham cầu, trong được lợi lạc, muốn tu tập pháp này khiến được thêm lớn, trong ngày trì trai, xả bỏ tài vật của mình đem cho sáu thân, tự nghĩ ta không quý mến giữ gìn, mà khiến người khác yêu kính, được khen hiếu nghĩa, do thấy nhân quả này, càng sinh vui mừng, do vui mừng, nên tâm lành hơi tăng, giống như từ hạt giống sinh ra mầm.

**Kinh chép:** Lại đem những vậy này bố thí cho người không bà con, quen biết, đó là mọc mầm thứ ba, nghĩa là muốn thành tựu pháp lành giữ trai này, tu tập tâm vô tham tuệ xả, do thường tu tập nên tâm lành thêm lớn, lại bố thí cho người không phải bà con quen biết, thấy tâm bình đẳng bố thí công đức lợi ích. Bấy giờ, mầm lành lớn lên nhiều lần, giống như khi chồi, cành lớn mạnh chưa sinh nghiệp, do đó gọi là bào chủng.

**Kinh dạy:** Lại đem những thứ này cúng thí cho người cao đức độ

lượng là diệp chủng thứ tư, nghĩa là đã có thể tu tập hạnh tuệ xả, nương đây làm nhân, dần dần có thể xét kỹ chọn lựa cảnh để cúng thí, người đức hạnh cao quý như thế, ta phải nên gần gũi cúng dường, tức là tuệ tánh dần mở, cũng dần dần gặp Thiện tri thức.

**Kinh chép:** Lại đem những thứ ấy bố thí, hoan hỷ trao cho những người kỹ nhạc và dâng cúng những vị Tôn túc. Nghĩa là tuệ tánh dần mở, lại xét riêng cảnh để cúng thí, thấy lợi ích của hạnh lợi tha kia, vì người kỹ nhạc có thể hóa độ đại chúng, khiến họ vui mừng cho nên khen ngợi công ấy, loại này rất nhiều, cho nên nói là Đẳng. Tôn túc: là bậc kỳ cựu, nghe nhiều hiểu rộng và học hạnh cao thượng, làm khuôn phép cho thế gian, vì theo kia phần nhiều được lợi ích, thành kính hoan hỷ mà thí cho, cũng khiến cho khi ta thí tâm rất hoan hỷ, tức là hoa chủng.

**Kinh dạy:** Lại đem những thứ này cúng thí, phát tâm thân ái mà cúng dường, đó là thứ sáu thành quả, nghĩa là tu tập thuần thực, chẳng những luôn hoan hỷ mà thôi, mà còn hay dùng tâm thân ái, cúng thí bậc có đức hạnh cao quý, lại nhờ nhân duyên thí trước, được nghe pháp lợi, biết người ấy trong lòng mang đức tốt, nghĩa là có thể vượt ra khỏi đục... thân quen gần gũi để cúng dường, mong hạt giống ban đầu, chính là tâm thành quả.

Lại nữa, này Bí Mật Chủ! Người ấy giữ giới sinh lên cõi trời là thứ bảy, hạt giống thọ dụng, nghĩa là đã có thể trì trai bố thí, thấy lợi ích ấy thì biết ba nghiệp không lành, đều là nhân duyên dứt bỏ phiền não, ta phải bố thí, giữ giới mà trụ, do giữ giới nên đời hiện tại đạt được thiện lợi, có danh tiếng lớn, thân tâm an vui, tăng thêm nhiều những điều hiền thiện, khi qua đời lại được sinh lên cõi trời, thí như trái đã chín thì thọ dụng hạt của nó, cho nên nói thọ dụng hạt giống. Lại nói từ một hạt giống (hạt giống) thành trăm ngàn quả trái thì mỗi trái lại sinh biết bao nhiêu, lần lượt nuôi lớn, không thể đếm được. Nay tâm thọ dụng quả này, trở lại thành hạt giống của tâm sau, cũng giống như vậy, vì thế nói hạt giống thọ dụng.

**Kinh chép:** Này Bí Mật Chủ! Do tâm sinh tử trôi lăn này, bạn lành nghe được nói rằng đây là Thiên đài, trời cho tất cả vui, nếu thành kính cúng dường, nguyện tất cả chỗ đều đầy đủ, có chỗ nói trời Tự tại... cho đến kia nghe sinh tâm vui mừng như thế, ân cần tôn trọng cung kính thuận theo tu hành, này Bí Mật Chủ! Ấy gọi là ngu đồng dị sinh sinh tử trôi lăn vô úy nương tâm anh đồng thứ tám. Đã biết bậc có đức hạnh tôn quý phải nên gần gũi cúng dường, lại thấy giữ giới hay sinh thiện lợi,

tức là dần dần biết về nhân quả: Nay lại nghe Thiện tri thức nói có Đại Thiên này có thể ban cho tất cả điều vui, nếu thành kính cúng dường, sở nguyện đều đầy đủ, liền có thể khởi tâm quy y, tuy chưa nghe pháp Phật, nhưng biết chư Thiên này, nhân tu hạnh lành được quả báo tốt đẹp này, lại dần dần tin hiểu, phân biệt ruộng tốt, lại nghe pháp Phật đặc biệt nhiệm mầu, chắc chắn sẽ tin nhận quy y cho nên là tâm trên hết ở thế gian.

Hỏi: Trước nói trời Tự tại... đều là tà chấp, nay nói quy y đây... là tâm trên nhất ở thế gian, vậy có gì khác trước?

Đáp: Trước là tâm không biết nhân quả, chỉ chấp các pháp là do trời Tự tại... tạo ra, nay do gốc lành thuần thực, ở trong sinh tử trôi lăn tìm cầu chỗ nương dựa không sợ hãi, muốn bắt chước hạnh nhân kia, mong thành quả thù thắng, cho nên không đồng với chấp trước.

Thương-yết-la: là tên khác của Ma-hê-thủ-la. Hắc Thiên, tiếng Phạm là Lỗ-nại-la là bà con của trời Tự tại. Long tôn: là các rồng lớn, như Câu-phệ-la... đều được người đời suy tôn là Đại thiên.

Phạm thiên hậu: là vị thần cao quý được thế gian kính trọng, nhưng trong pháp Phật, Phạm vương ly dục không có hoàng hậu, phi tần, từ Ba-đầu-ma trở xuống, chỗ nói là Đắc-xoa-ca long, Tu-hòa-cát long, Thương-khư long, Yết-câu-trích Kiếm long, Đại Liên Hoa long, Câu Lý Kiếm long, Ma-ha Phán-ni long, A-địa-đề-bà long, Tát-đà long, Nan-đà Long... đều là những vị tôn thần thế gian kính trọng.

Thiên tiên: là các vị Thần tiên chứng năm thần thông, số kia vô lượng nên không nêu tên.

Vi-đà: Đó là bốn thứ Minh luận do Phạm thiên giảng nói, Đại Luận sư Vi-đà, phải thọ trì kinh kia có thể dạy bảo cho người, do có thể chỉ dạy hạnh ra khỏi dục, nên quy y.

Ở trong bộ loại kia, Phạm vương giống như Phật, bốn bộ Vi-đà giống như mười hai bộ kinh; người truyền pháp này giống như Hòa thượng Tăng, khi kia nghe Tam bảo ở thế gian như thế... hoan hỷ quy y thuận theo tu hành, là thứ tám sinh tử phàm phu nương vô úy.

**Kinh chép:** Nay Bí Mật Chủ! Lại nữa, hạnh thù thắng tùy theo chỗ an trụ thù thắng mà trong kinh ấy nói, cầu giải thoát tuệ sinh... nghĩa là trong vô úy thứ tám này lại có tâm thù thắng; đã nghe nói các Bạc-già-phạm ở thế gian như trên, đã nói thì phải nên cúng dường quy y, sau đó bèn sinh tâm, các Tam bảo này Tam bảo nào là hơn? Ta phải chọn cái tốt kia thuận theo tu hành, nhờ năng lực gốc lành đời trước, tùy theo pháp trong kinh ấy nói mà được chỗ an trụ thù thắng, có

cầu giải thoát sinh trí; nhưng vì chưa biết pháp duyên khởi, tất cả quán không, trí tuệ không lìa đoạn thường, vì thế nói thường vô thường là không, chỉ thuận theo nói như thế, mà siêng năng tu học.

Trong đây lại có hai thứ: Nếu cầu giải thoát sinh trí gọi là tâm thù thắng, đã đối với pháp không tác chứng gọi là tâm quyết định, nếu lìa phần mà nói thì trước gồm có mười tâm. Đức Thế-tôn muốn hướng vào xuất thế gian nói quán không trí tuệ, sau đó nói rằng: Bí Mật Chủ! Kia không hiểu biết nghĩa không, chẳng phải không, rõ ràng đoạn thường, tuy các quán bình đẳng phi hữu phi vô, dứt các nói rộng, nhưng cũng không thể lìa cả hai kiến ấy, do kia chưa hiểu nhân duyên đúng đắn. Nhưng trong Phật pháp, để biết có nhân duyên thì lìa Vô kiến, tức là không rơi vào đoạn thường, nếu không đạt nghĩa không như thế thì dù không dính mắc hữu, vô, ly ngôn tuyệt tướng, cuối cùng cũng theo tướng phân biệt, khởi tâm vô phân biệt này giống như Trường Trảo Phạm Chí quán tướng thật các pháp, không thọ tất cả các pháp nhưng thọ kiến chấp ấy.

Xét rằng, chân không lìa phân biệt, làm sao phân biệt không? Nếu không hiểu nghĩa không, tuy có nhất tâm tinh tấn siêng cầu giải thoát thì cũng không thể biết Niết-bàn, vì thế Phật dạy: Ông muốn cầu Niết-bàn, phải hiểu biết duyên khởi của không, xa lìa đoạn thường, do người kia hạt giống tâm ban đầu bị giảm đi, có một phần ít tham cấu, tức thuận theo một ít phần tâm thanh tịnh, từ đây về sau trì trai, bố thí dần dần thêm lên, tức là thế lực của tâm tịnh dần được bắt đầu phát động, nhờ sự huân tập này thì có thể xét chọn chỗ để quay về. Có cầu giải thoát tuệ sinh, nếu không gặp duyên lành, trở lại theo đoạn thường không, nhập vào tà kiến, nhưng hạt giống tám tâm kia không bao giờ hoại mất; nếu nghe Phật pháp, chỉ đối với đoạn thường không, khiến quán duyên khởi không thì nhập Chánh đạo, nếu là người không có căn cơ hạt giống chưa sinh, tuy nói các pháp cho họ nghe, cuối cùng cũng không thể tin hiểu.

Lại như hành giả ở tâm thứ tám, khi cầu thoát sinh tử nường vào Vô úy nếu gặp Thiện tri thức, và nói Tam bảo là chỗ chân chánh quay về (Quy y). Nhờ người ấy đời nay dần biết nhân quả, nên có thể tin thọ, lại bố thí việc đó. Nếu người kia tu trai, người ấy gặp Thiện tri thức, bảo rằng, ông thấy lợi ích gì, mà cố thực hành trì trai, bố thí này?

Người kia liền đáp rằng: Tôi thấy nhân duyên tham cầu giữ gìn có các thứ buồn khổ, thiếu đức hành thí thì được an trụ trong hoan hỷ an vui.

Bấy giờ Thiện tri thức bảo rằng: Lành thay! Thiện nam! Như Đức Phật đã dạy, chúng sinh vì bồn sển tham lam, đời hiện tại có các thứ buồn khổ, khi qua đời do nhân duyên này, đọa vào trong đường ác; nhờ tâm xa lìa san tham dơ bẩn, hiện đời an vui, được tiếng khen, khi qua đời được sinh lên cõi trời, sau chứng Niết-bàn, thế nên nay ông càng phải đem tâm thù thắng trên mà thọ pháp tám trai giới, người kia nghe rồi, lập tức tín, thọ, đúng như lời dạy tu hành. Nếu người không có cơ duyên, chỉ nói khổ vui ở thế gian đều do trời Tự tại tạo ra, hoặc đất... biến hóa, lấy thời làm nhân thì nghe tám giới trai được một phần ít an vui thanh tịnh như thế, còn không thể tin, huống chi những việc sâu xa khác ư.

Hỏi: Hạt giống đầu tiên của tám tâm như thế, lại lấy gì làm nhân?

Đáp: Do thế gian từ lâu xa đến nay có tên gọi thiện ác, hạt giống từ đó mà sinh.

Như kiếp sơ chúng sinh tham ăn đất màu mỡ. Bấy giờ cho người ăn nhiều là bất thiện, người ăn ít là thiện, hoặc có người thấy nhân duyên ăn nhiều, khởi các tội lỗi, liền khởi niệm rằng, nay ta thường tự kềm chế răn dè ăn ít vị này, chính là thiện? Nhưng chúng sinh ở đây, cũng chưa biết nhân quả và nghiệp báo đời sau, chỉ xoay vần truyền nhau, cho rằng nhân nghĩa, hổ thẹn... là pháp lành, người nào làm được như thế thì thế gian đều khen ngợi.

Lại như khi cuối cùng thiếu kiếp, chúng sinh bỗng nhiên phát tâm, biết pháp ác tội lỗi ở thế gian, lại còn cùng nhau khuyến khích dẫn dắt đều làm việc lành. Bấy giờ, cũng không có Thiện tri thức khuyến khích dẫn dắt như thế, phải biết đều nhờ năng lực nhân duyên huân tập lẫn nhau của tướng thật tự tâm, như hạt giống đầu tiên, khi xa lìa tâm cấu chùng mảy bụi, liền hiện bày thế lực tâm thanh tịnh chùng bằng hạt cát bụi.

“Tuy nói hạt giống lành sinh, thực ra chính là bất sinh” sinh khởi, vì đó là tánh vững chắc, ở chúng sinh tâm thức không bao giờ hoại mất, chưa đến trong lớp đại kim cang của mé thật tự tâm, còn không có chỗ an trú, lìa quả lại thành hạt giống lần lượt nuôi lớn, nhưng cũng không ra ngoài tự môn A, vì thế nói tối thượng Đại thừa cú, tướng tâm nối nhau sinh, đại bí mật của các Đức Phật, ngoại đạo không thể biết; phẩm Dược thảo dụ trong kinh Pháp Hoa, ý cũng ở đây.

Lại nữa, hành giả quy y Tam bảo, thuận theo Luật nghi của Như lai, ở trong một ngày thọ tám pháp quan trai, do phòng giữ giới Thánh, vắng lặng an vui, do an vui ấy, sẽ tin việc làm của bậc hiền Thánh, luôn

luôn tu tập, đó gọi là hạt giống đầu tiên, vì giúp điều lành này thêm lớn, mà tu các điều lành, cho đến nhờ giới hoàn toàn thanh tịnh, chắc chắn được sinh lên cõi trời, sau đến Niết-bàn, đó gọi là hạt giống thọ dụng.

Lại do gần gũi Thiện tri thức, nghe chánh pháp lợi lạc, không khởi tâm quy y khác, đó là phàm phu trôi lăn sinh tử, thứ tám chân thật vô úy y, lại sự an trụ thù thắng ở trong đây, có cầu giải thoát sinh trí, tư duy quán sát, sinh ý tưởng quyết định, từ đây liền phát tâm hạt giống đầu tiên trong Bồ-đề của Thanh văn, đều nên y theo văn trước phân biệt nói rộng, cho đến mỗi một địa trong ba thừa, đều đủ mười tâm, đến Địa thứ mười, cũng đủ mầm bao hạt giống, lá, hoa, quả... có cầu Phật địa sinh trí, quán rớt ráo không, được đến mé Kim cang.

Bấy giờ, Kim Cang Thủ, thỉnh Phật rằng: Cúi mong Đức Thế-tôn nói về tâm này. Nói như thế rồi, Phật bảo Kim Cang Thủ Bí Mật Chủ rằng: Này Bí Mật Chủ! Hãy lắng nghe kỹ, tâm tướng nghĩa là tâm tham, tâm không tham, tâm sân giận, từ tâm, tâm si, tâm trí, cho đến thế nào là tâm thọ sinh? Nghĩa là các hữu, tu tập hạnh nghiệp kia sinh, tâm đồng với tánh như thế, ở đây trả lời các tâm tướng cú trong câu hỏi trước.

Đầu tiên nêu lên sáu mươi tâm, kể là giải thích tướng kia.

Này Bí Mật Chủ! Vì sao tâm tham kia nói là thuận theo pháp nhiệm? Nghĩa là đắm nhiễm cảnh trước, tức là làm ô nhiễm tâm thanh tịnh. Nếu thuận theo tu hành pháp này, gọi là có tâm tham. Vì tâm pháp nhỏ nhiệm khó hiểu, chỉ quán sát sự nghiệp kia đã làm, chắc chắn có hình tướng ở ngoài. Giống như xem xét hình dáng của khói thì tánh lửa có thể sánh biết, vì thế các câu phần nhiều do thuận tu để hiểu nghĩa, nhưng đem so sánh thì đúng, những vị này đến nay đều chưa được tâm xuất thế và các thứ tâm lành tạp khởi. Nếu hành giả khéo biết thật giả, giống như việc nhổ cỏ xấu để giúp lúa tốt của nhà nông thì thế lực tâm thanh tịnh dần dần thêm lớn. Chớ cho rằng nhân duyên sự tướng này là câu nói tận cùng lý lẽ mà xem thường, khiến tâm chìm đắm trong đó mà không tự giác biết.

Thứ hai, vì không có tâm tham mà nói là thuận theo pháp vô nhiễm? Nghĩa là trái với tâm trước, cho đến nên tiến lên tìm cầu chỗ tốt, cũng lại không sinh nguyện vui, thế nên không làm nhiễm pháp lành, đều ngăn cản mầm lành và không có tâm ô nhiễm, tên đồng mà việc khác, rất cần xem xét. Vì thế hành giả chỉ quán tướng thật của tâm tham, tự nhiên tham không nhiễm tâm, không nên khởi hạnh Vô tuệ bất tham như thế.

Thứ ba, vì sao tâm sân mà nói là thuận theo pháp tức giận? Nộ:

nghĩa là tâm sân phát động, việc hiển bày ở bên ngoài, vì tâm pháp khó biết, nên thuận theo tu nội pháp để giải thích. Nếu thường khởi như thế tướng không vắng lặng thì biết là tướng tâm sân, chỉ ở trong các duyên này, quán sát tâm sân, tự không có chỗ an trụ thì đây là chướng ngại không sinh.

Thứ tư, vì sao tâm Từ nói là thuận theo tu hành pháp từ? Từ này cũng trái với sân; từ này là do tâm ái kiến bị cấu bẩn, chẳng phải do mầm lành sinh ra, chữ Từ trên là căn cứ vào nội tâm, chữ Từ ở dưới là tướng bên ngoài của sự nghiệp đã làm, đã giác biết rồi, chỉ sửa lỗi làm chướng ngại đạo, xoay vần tu tâm từ vô lượng, tức là đối trị.

Thứ năm, vì sao tâm si mà nói là thuận theo tu pháp bất quán? Nghĩa là không quán lời ở trước xấu tốt đúng sai, gặp liền tin, thọ, hễ sự nghiệp đã làm thì không thể trước đem tâm tuệ xem xét so lường phải trái. Những thứ như thế phần nhiều lầm lỗi, đều là tướng của tâm si.

Thứ sáu, thế nào là trí tâm? Nghĩa là thuận theo tu pháp tăng thượng thù thắng? Nghĩa là người đó ở trong các thứ đã nói, đều dùng trí chọn lựa cái này hơn cái kia thua, pháp này nên thọ, pháp kia không nên thọ, kia chọn lấy pháp thù thắng hơn cả để thực hành, tức là tướng vô si. Nhưng pháp hơn người, không phải đem trí lực so lường mà đạt đến được, chỉ có người tin mới có thể thâm nhập mà thôi, thế nên khó quán sát thế trí biện thông, để đối trị kia.

Thứ bảy, thế nào là Tâm quyết định? Nghĩa là vâng theo giáo mệnh, đúng như lời dạy mà vâng làm.

Thứ tám, thế nào là tâm nghi? Nghĩa là thường thu giữ những việc bất định, nay trước giải thích tâm nghi, khiến quyết định tâm tướng dễ hiểu rõ ràng. Nghĩa là: người này tùy theo những gì đã nghe, liền sinh tâm không quyết định, như khi thọ giới, liền tự sinh tâm nghi, nay ta chắc chắn đắc giới hay không đắc giới? Hoặc nghi thầy, nghi pháp, các việc so sánh như thế như người hành đạo, do nghi hoặc cho nên không thể tiến lên trước, bài kệ trong luận Trí Độ nói: Cho đến ví như quán sát lối rẽ, lối nào tốt thì nên theo, là đối trị kia, lại tâm quyết định: nghĩa là tùy theo nghe bạn lành... đúng như pháp dạy bảo, lập tức không sinh nghi ngờ, dốc lòng vâng làm, nhưng cũng phải dùng tuệ quán sát, sinh tâm quyết định chân chánh.

Thứ chín, thế nào là tâm ám? Nghĩa là đối với pháp không đáng nghi ngờ lại sinh tâm nghi ngờ. Nghĩa là như Tứ Đế, bất tịnh, vô thường... người trí ở đời không nên sinh nghi, nhưng nghe kia bèn do dự, như ban đêm thấy gốc cây sinh tâm so lường, nếu thấy có tướng như thế, phải

biết do tâm tối tăm khiến cho như thế.

Thứ mười thế nào là tâm sáng? Nghĩa là đối với pháp không đáng nghi ngờ, người tu hành không nghi ngờ, tức là đối với pháp ấn quyết định, chẳng phải là pháp đáng nghi ngờ, người kia tùy theo chỗ nghe biết liền tin sâu, phải biết đó là tâm sáng, nhưng trong đó hoặc vượt qua, hoặc không kịp, tức là tâm chướng Đạo, lại tuệ trong xứ là đối trị kia.

Thứ mười một, thế nào là tâm chứa nhóm? Nghĩa là vô lượng là một làm tánh: nghĩa là người này tùy theo một việc sinh tín giải rồi, lại nghe các pháp đặc biệt khác, đều nhóm họp thành một, như người học được một Tam-muội, thấy kinh khác dạy về sự thù thắng khác nhau của vô lượng pháp môn khác đều cho rằng nói pháp này thì định tâm, là pháp này thì không còn pháp nào khác, do đó gọi là tâm chứa nhóm.

Thứ mười hai, thế nào gọi là tâm tranh đấu? Nghĩa là cho lẫn nhau, là đúng sai làm tánh? Nghĩa là nghe lời dạy bảo của người khác nói, thường ưa tranh luận phải trái, nói nghĩa là ấy nên như vậy, việc đó nên không như vậy, giả sử đã nói hợp lý, cũng dùng các phương tiện tìm cầu chỗ tốt, xấu của kia, muốn làm cho rơi vào chỗ lỗi. Nếu người đến hỏi thì cũng tìm việc tốt xấu của kia, nói câu hỏi này là trái nghịch, không thông đạt, ta không cần trả lời, có hiện tượng như vậy, phải biết là tâm tranh đấu.

Thứ mười ba, thế nào gọi là tâm tranh cãi? Nghĩa là đối với bản thân mình mà sinh phải trái? Nghĩa là trong tâm ôm ấp phải trái, như tự tư duy một nghĩa xong, liền trở lại đặt ra dị đoan tìm cầu lỗi của nó, tuy tâm lành mưu thọ, nhưng đối với người đã lãnh thọ rồi, trở lại tự tìm cầu được mất, nói việc này hợp như thế, việc này không hợp, có nhiều hiện tượng như thế, phải biết là tâm tranh cãi.

Thứ mười bốn, thế nào là tâm Vô tránh? Nghĩa là phải, trái đều bỏ; căn cứ vào bản Phạm chuyển thanh, đều nhắm chữ hữu làm tánh, so sánh có thể biết, nghĩa là tâm người ấy không khi vậy khi khác, tuy trước Tông môn học tập có kiến giải như thế, lại nghe lời nói kỳ lạ cho là hợp lý liền lãnh thọ và thực hành, hoặc trước cho là đúng, nghe người khác cho là không lành, liền thay đổi, lòng không chấp trước, phải trái đều bỏ, nếu có tướng như thế, phải biết là tâm vô tướng, hiểu biết tâm vô ký vô tránh, tu tướng thật các pháp tâm vô tránh, để đối trị kia.

Thứ mười lăm, thế nào là tâm trời? Nghĩa là tâm suy nghĩ tùy niệm thành tựu, như chư Thiên nhờ quả báo đời trước, nếu có cần gì, không cần gia công lực tùy tâm mà sinh, thường khởi nguyện muốn như thế, phải biết đó là tâm trời, cũng do từng sinh lên cõi trên, nên có thói

quen này. Nghe người tu chân ngôn, không trông mong quả cao lớn, chỉ để tự tâm vâng theo, nếu bị chướng ngại tâm Bồ-đề thanh tịnh thì sẽ tự biết, chớ tham Tất địa ở thế gian, đó là đối trị kia.

Thứ mười sáu, thế nào là tâm A-tu-la? Nghĩa là ưa chỗ sinh tử. A là Phi, Tu-la là trời, vì quả báo giống như trời, nhưng hạnh nghiệp, chỗ ở thì khác, nên lấy đó đặt tên. Loài này, biết có lợi ích của sự giải thoát, nhưng rất ưa sinh tử và quả báo vui sướng, không thể tiến lên, nếu người tu hành có tướng trạng này, phải biết gọi là tâm Tu-la, cũng do đời trước từng sinh vào đường này, nên có thói quen này. Quán sát vô thường, khổ... để đối trị tâm kia.

Thứ mười bảy, thế nào gọi là tâm rồng? Nghĩa là suy nghĩ của cái rộng lớn? Nghĩa là: thường khởi niệm rằng ta phải dùng phương tiện nào, được các thứ của cải châu báu tốt đẹp to lớn như thế, có tư tưởng tham nhiều không chán, ấy là tâm của loài rồng. Cũng vốn từ trong loài rồng mà đến, cho nên sinh ra thói quen này, ưa khiến người tu hành nguyện cầu tất địa thế gian, ngăn cản tâm thanh tịnh xuất thế, suy nghĩ ít muốn, biết đủ vô thường... đó là để đối trị tâm ấy.

Thứ mười tám, thế nào gọi là tâm người? Nghĩa là suy nghĩ lợi ích người khác? Nghĩa là ưa theo đuổi tìm kiếm suy nghĩ, người ấy đối với ta có ân, ta phải dùng phương tiện như thế để cho được lợi lớn, người kia đối với sở hữu của ta không có lợi ích, nay ta sẽ đáp trả lại, và các lý mưu người lợi vật, đều là tâm người. Phải nghĩ tự quán sát tâm hạnh, sớm cầu pháp lợi, không nên xôn xao lo nghĩ duyên khác, đó là để đối trị tâm ấy.

Thứ mười chín, thế nào gọi là tâm nữ? Nghĩa là thuận theo pháp dục, cũng là tâm loài người nhưng chỉ nhiều tham dục là khác mà thôi, như kinh nói rằng, người nữ tham dục nhiều hơn người nam gấp trăm lần, thường nhớ nghĩ việc vui đã qua, hoặc nhớ nghĩ hình dáng, nhan sắc người khác... có thể làm cho hành giả che lấp tâm thanh tịnh, cũng là nhiều đời từng làm người nữ nên còn có thói quen xưa, ở đây dùng bất tịnh niệm xử... quán tướng thật của thân, để đối trị tâm ấy.

Thứ hai mươi, thế nào gọi là tâm tự tại? Nghĩa là suy nghĩ ta tham muốn tất cả đều như ý, Tự Tại là vị Thiên thần mà ngoại đạo tôn thờ. Tông kia chấp, trời Tự tại có thể tùy ý tạo ra các chúng sinh và những việc khổ, vui, người tu pháp này cũng thường buộc niệm, nguyện được như bốn tôn kia, nếu hành giả chân ngôn thường nghĩ tất-địa như thế, nghĩ ta theo niệm thành tựu, phải biết đó là tâm tự tại, cũng là thói quen đời trước khiến cho như thế; phải quán các pháp thủy đều thuộc các

nhân duyên không có tự tại, là để đối trị.

Thứ hai mươi mốt, thế nào gọi là tâm người buôn? Nghĩa là thuận tu, trước kết hợp lại, sau phân chia ra, như người lái buôn trước cốt phải dồn chứa hàng hóa, sau đó mới suy nghĩ chia ra, vật này nên sử dụng ở đâu, vật kia chỗ nào dùng, có thể được lời; như hành giả cần phải học hỏi trong ngoài, khiến đầy đủ rồi mới trở lại so lường, đó là sách đời phải sử dụng như thế; pháp Nhị thừa đây dùng để ứng tiếp người gì? Tư lương Đại thừa này thì cần những duyên nào? Đó gọi là tâm người buôn, cũng do huân tập từ trước đến nay khiến cho như vậy, tu trì nhanh chóng, đó là đối trị tâm ấy, nghĩa là hãy nghe pháp nào, liền phải quán sát việc sử dụng nhân duyên kia, đâu đợi chứa nhóm nghe nhiều, mới tìm chỗ dùng ư?

Thứ hai mươi hai, thế nào là tâm người làm ruộng? Nghĩa là thuận theo trước học rộng, sau mới cầu pháp, như người học trồng lúa phải học hỏi với người làm ruộng lâu năm làm sao để biết đất tốt? Làm sao để cày trồng làm cỏ? Làm sao biết thời tiết? Làm sao hạt hái, cất chứa? Như thế mỗi mỗi đã biết rồi mới đem công sức mà làm, tâm này cũng giống như vậy, trước cần phải vâng theo người trí rộng nghe đạo phẩm, sau đó mới thực hành, đều là thói quen nhiều đời khiến như vậy, dùng trí sắc bén làm chỗ đối trị; như nghe các uẩn vô thường, liền biết giới, nhập, duyên khởi... so sánh kia đều như vậy, lại như tên độc bắn vào thân, đâu được đợi Tam nông nguyệt để rộng hỏi, sau đó mới nhổ ư?

Thứ hai mươi ba, thế nào gọi là tâm sông? Nghĩa là thuận tu pháp nương nhân hai bên, tâm tánh đây đều nương vào hai bên, hoặc khi tu thường, hoặc khi tu đoạn, hoặc lại tin cả tà chánh, như nước sông đều nương vào hai bờ, vật kia trôi nổi, cũng không chắc chắn thuộc một bên nào, để đối trị thì hành giả chuyên tâm vào một cảnh để có được chỗ đến, nếu tâm không giữ định mà muốn sự nghiệp thành tựu thì không có lý như vậy.

Thứ hai mươi bốn, thế nào gọi là tâm ao? Nghĩa là thuận theo khát khao pháp không biết thỏa mãn. Vì như vũng chứa nước, nếu các dòng nước chảy vào không bao giờ thỏa mãn. Tâm này cũng giống như vậy, nếu danh lợi, thân thuộc... các việc đến nhóm họp thân kia không bao giờ thỏa mãn, cho đến đối với việc học pháp cũng giống như vậy, như đã được sữa, cháo không cần ăn vội. Lại còn trông mong vị khác, trong đây dùng ít muốn biết đủ để đối trị.

Thứ hai mươi lăm, thế nào là tâm giếng? Nghĩa là tư duy như thế, sâu lại càng sâu, như bảo cú xuống xem nước giếng sâu cạn, lượng đó

khó có thể biết, tâm tánh này cũng giống như vậy, phàm chỗ tư duy ham muốn sâu xa, chỗ có việc lành, không lành, khắp cả ham muốn đều khiến người không thể đo lường, cùng đi đứng làm việc nhưng cũng không biết tâm hạnh của kia, phải biết đó là tâm giống, pháp môn duyên khởi và tướng người lành đều hiện rõ để biết, đó là để đối trị kia.

Thứ hai mươi sáu, thế nào là tâm Thủ hộ? Nghĩa là chỉ có tâm này là thật, các tâm khác không thật. Như người đời rất giữ gìn thân mình, những tài vật, cho đến phòng giữ các thứ lầu gác tường rào, không để cho người khác làm tổn hoại, tâm này cũng giống như, thường giữ gìn thân tâm như con rùa giữ: đầu đuôi và bốn chân, không để cảnh bên ngoài làm thương tổn. Người học Thanh văn, thường sinh tâm này, phải dùng thủ hộ cả người khác để đối trị.

Lại có người tự giữ gìn sự hiểu biết của mình, không muốn để cho người khác, các thứ dị luận làm tổn thương, nghĩa là các kiến giải khác thấy đều không thật cũng thế.

Thứ hai mươi bảy, thế nào gọi là tâm san, nói là thuận theo pháp vừa vì mình vừa vì người? Nghĩa là người này các việc đã làm được, thấy đều vì tự thân, nên tài vật kỹ nghệ cho đến pháp lành, đều tham tiếc, giấu kín không ban cho người, người có tướng này phải biết là tâm san, dùng suy nghĩ bố thí và đến vô thường... làm chỗ đối trị, phải biết tài vật, kỹ nghệ năng lực, giả sử khi vô thường, không có đi theo ta, nhưng nay thân này, niệm niệm không thể giữ gìn, tiếc cái gì ở đây?

Thứ hai mươi tám, thế nào là tâm chồn? Nghĩa là thuận theo pháp tu từ từ tiến tới; như mèo chồn rình bắt cầm điều dừng trụ ở chỗ vắng yên, không tiến đến vọi, sau đó bắt lấy, người này cũng giống như vậy, gặp nghe các pháp quan trọng chỉ tác tâm lãnh thọ nhưng không tiến hành, mong đợi duyên tốt nhóm họp thì sẽ mạnh mẽ cố làm. Lại như mèo chồn vâng chịu thương yêu các loài, cũng không biết ân, như người chỉ thọ kẻ khác ban cho lòng thương yêu và lời tốt, nhưng không nghĩ báo đáp, đó là tâm chồn. Lấy không đợi thời gian nơi chốn, như nghe liền thực hành, thường nhớ nghĩ ân đức, để làm pháp nơi đối trị.

Thứ hai mươi chín, thế nào gọi là tâm chó? Nghĩa là chỉ được một phần nhỏ lấy làm vui mừng đầy đủ, vì chó theo nhân duyên phước mỏng, chỗ mong cầu thấp hơn, gặp được một ít thức ăn thô dỏ, liền sinh tâm vui mừng, thỏa mãn, nếu hơi vượt hơn thì không phải chỗ trông mong của nó; tâm này cũng giống như vậy, nghe một phần nhỏ pháp lành, liền cho là thực hành không thể hết, lại không tìm cầu việc tốt.

Hàng Thanh văn này do thói quen sinh ra, lấy ý muốn tăng lên làm pháp đối trị. Cho đến tâm như biển lớn, ít cũng không từ chối, nhiều cũng không tràn đầy.

Thứ ba mươi, thế nào là tâm Ca-lâu-la? Nghĩa là thuận theo pháp bè đảng lông cánh; chim này thường nhờ hai cánh cặp dưới hai nách của thân nó, bay đến nơi nào cũng tùy ý để trở thành thế lớn. Ví như thiếu một lông thì không thể bay được. Tâm này cũng giống như vậy, thường nhờ nghĩ được nhiều bè đảng giúp đỡ lẫn nhau để thành tựu sự nghiệp, lại nhân người đã làm sau đó phát tâm, không thể một mình tiến lên, như thấy người làm lành, liền nghĩ người kia còn có khả năng làm, ta vì sao không làm, phải nghĩ tâm Bồ-đề mạnh mẽ, như Sư tử đầu đàn không nhờ bạn giúp, để làm pháp đối trị.

Thứ ba mươi mốt, thế nào gọi là tâm chuột? Nghĩa là tư duy dứt trừ các sự ràng buộc, như chuột thấy người lấy dây buộc cái rương... liền muốn làm hư hoại trái với lẽ phải, cũng không nghĩ rằng nhờ dứt bỏ cái này ta sẽ được lợi như vậy, thế nhưng không hứng thú làm, tâm này cũng thế, tất cả sự hệ thuộc và thành tựu sự việc, khéo vì sự ngăn cách mà làm cho hợp lại.

Thứ ba mươi hai, thế nào là tâm Ca vịnh? Bản Phạm thiếu văn không giải thích. A-xà-lê nói: Ở đây dụ cho truyền pháp âm; như người đời giúp người khác hát, khi được khéo léo rồi, lại vì người đó diễn tấu, phát ra các âm thanh hay ho, người nghe hoan hỷ, tâm này muốn theo người nghe chánh pháp, ta phải chuyển cho chúng sinh, dùng các thứ văn cú trang nghiêm phân biệt giảng nói, khiến âm thanh mẫu nhiệm này khắp mọi nơi chốn đều nghe biết, đa số là thói quen nhiều đời của Thanh văn, cũng làm chướng ngại tâm thanh tịnh. Phải nghĩ ta sẽ được tuệ nội chứng tự nhiên, sau đó khắp hiện sắc thân mà giảng nói, đó là đối trị tâm kia.

Thứ ba mươi ba, thế nào gọi là tâm Vũ? Nghĩa là tu hành pháp này, ta phải vượt lên trên các thứ thần biến, như người đời tay chân quơ múa gọi là Vũ. Thần biến cũng giống như vậy, hiện các việc chưa từng có, khiến người đối diện tâm thanh tịnh, mắt vui, đa số là các thói quen của bậc ngũ thông, nếu còn thiên lệch về tất-địa như thế mà phương tiện nguyện cầu, cũng cản trở tâm thanh tịnh, phải nhớ nghĩ Tam-muội Trừ cái chướng tâm không lay động, thần thông không khởi diệt định, mà thực hành gia trì thần biến, chớ tham một ít hiệu nghiệm của thế gian, là pháp đối trị.

Thứ ba mươi bốn, thế nào là tâm đánh trống? Nghĩa là thuận theo

tu pháp này, ta sẽ đánh trống pháp, đánh có thể thức tỉnh răn dè chúng sinh, khiến được giác ngộ, nếu người tu hành nghĩ rằng chúng sinh ngủ vùi trong đêm dài tăm tối, ta phải tu tập các thứ vô ngại biện tài, đánh trống pháp lớn mà cảnh ngộ họ, cũng có thể ngăn ngại tâm thanh tịnh, phải nghĩ sớm chúng vô lượng nói năng Đà-la-ni, dùng âm thanh vi diệu của trống trời, khắp bảo tất cả chúng, chớ vì chút lợi nhỏ ở thế gian mà làm chướng ngại nhân duyên việc lớn, đó là pháp đối trị tâm kia.

Thứ ba mươi lăm, thế nào gọi là tâm Nhà cửa? Nghĩa là thuận tu pháp tự hộ thân. Như người xây cất nhà cửa để che chở phòng hộ thân, được tránh khỏi nóng, lạnh, gió, mưa, giặc cướp, trùng độc... các việc không lợi ích. Tâm này cũng giống như vậy, ta phải giữ giới tu điều lành để tự phòng giữ, khiến đời này đời sau xa lìa các khổ trong đường ác, thường là pháp tu tập của Thanh văn, phải nghĩ cứu giúp tất cả chúng sinh, không phải chỉ riêng mình, đó là pháp đối trị.

Thứ ba mươi sáu, thế nào là tâm Sư tử? Nghĩa là tu hành tất cả pháp không sợ hãi. Như sư tử ở trong các thú, hễ đến bất cứ chỗ nào đều hơn cả. Không có sợ hãi, tâm này cũng giống như vậy, ở trong tất cả việc đều muốn khiến hơn tất cả mọi người, tâm không khiếp sợ. Tự tâm nói không có việc khó, không thể làm ta lo sợ xấu tốt. Nếu tự hiểu biết rồi phải phát tâm như Đức Thích-ca Thế-tôn, phải giúp tất cả chúng sinh đều được tốt đẹp, không có tốt xấu, đó là pháp đối trị.

Thứ ba mươi bảy, thế nào gọi là tâm con cú (con cú tai mèo)? Nghĩa là trong đêm tối thường suy nghĩ; loài chim này ở dưới mặt trời (ban ngày) không thể làm gì được, ban đêm thì sáu căn lanh lợi, như hành giả ngày đêm tuy có chỗ nghe nhưng đọc tụng mù mờ, chẳng được khéo léo, đến đêm tối nhớ nghĩ việc đã làm, trở lại tính lường liền được rõ ràng, cho đến tu thiền quán... cũng cho chỗ tối là tốt. Nếu hiểu biết rồi, phải nghĩ những nơi sáng tối, khiến chỗ tác ý không chia ngày đêm, đó là pháp đối trị.

Thứ ba mươi tám, thế nào là tâm chim quạ? Nghĩa là mọi nơi chốn nhớ nghĩ lo sợ; như chim quạ nếu người khéo léo gần gũi nuôi nấng, thỉnh thoảng tìm dịp bay đi, đều sinh tâm nghi ngờ lo sợ, tâm này cũng giống như vậy, dù bạn tốt muốn làm lợi ích cũng bị vùi lấp mất, tất cả đều nghi ngờ cản trở mà có tâm hoài nghi lo sợ, cho đến khi giữ giới tu điều lành, cũng có tâm nghi ngờ lo sợ ở trong sinh tử, nếu hiểu biết rồi, phải tu tâm an định không sợ hãi, đó là pháp trị kia.

Thứ ba mươi chín, thế nào gọi là tâm La-sát? Nghĩa là đối với điều lành phát khởi tâm không lành, như thấy người làm việc lành, đều

tác ý hiểu là không lành. Phật dạy: Xây dựng tháp miếu (chùa) được vô lượng phước nhưng kia ngược lại nói rằng, do xây dựng tháp chùa nên tổn hại vô lượng loài sâu bọ nhỏ, làm rối loạn thí chủ, đâu được lợi ích gì mà phải chịu khổ báo, nói những lời như thế... là sinh khởi tâm không lành. Trong đó lấy quán công đức lợi ích, không nghĩ khuôn phép kia để làm pháp đối trị.

Thứ bốn mươi, thế nào là tâm gai? Nghĩa là tất cả chỗ xấu (ác) lấy làm tánh; giống như rừng gai ở khắp mọi nơi, thường gây tổn hại, chướng ngại, khiến người đến gần không an. Tâm này cũng giống như vậy, nếu làm việc lành như bố thí lớn... đã làm rồi liền sinh tâm ăn năn về việc đã qua, nếu làm việc xấu rồi, lại tự suy nghĩ cũng có tâm hổ thẹn sợ hãi, thế nên có tâm xấu ác tác lo nghĩ không yên, pháp đối trị ở đây là nếu có phạm thì phải nhanh chóng sám hối, chớ sinh thương tiếc ăn năn, đã làm việc lành, nên tự suy nghĩ, tâm vui mừng may mắn.

Thứ bốn mươi một, thế nào là tâm hang hố? Nghĩa là thuận tu pháp vào hang, nói là các rỗng, A-tu-la... đều ở dưới đất hoặc trong hang sâu dưới đáy biển, thường có các loại thuốc của thần tiên, có thể được sống lâu tự tại. Hành giả hoặc nghĩ trong đó có nhiều mỹ nữ (gái đẹp), tính tình đoan nghiêm chân chánh đồng với chư Thiên, thật là không lo chết non, năm dục buông lung, hoặc nghĩ ở lại trong đó, có thể được tuổi thọ nhiều kiếp, thấy các Đức Phật đời vị lại, đều là tâm hang hố. Phải nhớ nghĩ như pháp tu hành, có thể sinh ở đây nghe pháp hiểu đạo cho đến thành Phật, không nên uống công dừng lại giữa đường, nhớ giữ pháp tiên ở đời này, là để đối trị.

Thứ bốn mươi hai, thế nào gọi là tâm gió? Nghĩa là khắp mọi nơi làm tán loạn, tán loạn do không dừng lại. Tâm người này cũng giống như vậy, ở tất cả mọi nơi trồng khắp các gốc lành, nghĩa là ở thế gian, các thứ ngoại đạo, thiên tôn cho đến các hạnh trong ba thừa, đều khiến có phần, mà nghĩ rằng, giống như hạt giống ở khắp mọi nơi, sẽ có thành tựu, tâm gió cũng giống như vậy. Phải nghĩ ruộng đá không trồng trọt được hạt giống trí, phải tìm chỗ ruộng phước tốt đẹp mầu mỡ, hết lòng cày cấy làm cỏ, thu hoạch sẽ nhiều, đó là đối trị tâm kia.

Thứ bốn mươi ba, thế nào gọi là tâm nước? Nghĩa là thuận tu tập rửa sạch tất cả pháp không lành, như tánh nước trong sạch, tuy tạm bị các cấu làm nhiễm ô, nhưng lọc thì sạch trong, lại có thể rửa bỏ dơ bẩn. Tâm người này cũng giống như vậy, thường muốn nói ra các tội dơ xấu để sám hối rửa sạch ba nghiệp, do thấy những thứ dơ, sạch ta đã làm như thế gây chướng ngại tâm thanh tịnh thì chỉ nên quán tướng thật của

tâm, từ xưa đến nay không sinh pháp dơ, tự có thể dứt trừ tất cả chướng, cái, đó là hạnh đối trị kia.

Thứ bốn mươi bốn, thế nào gọi là tâm lửa? Nghĩa là lấy lửa dữ đốt cháy làm tánh, như tánh lửa hừng rực tiến nhanh, tâm người này cũng giống như vậy, như khi làm lành, chỉ trong phút chốc trở thành vô lượng công đức, khi tạo ác trong thời gian ngắn cũng trở thành nghiệp rất lớn. Trị hành ở đây, nên tư duy tâm hung dữ thường bị tổn hoại, dùng nước mềm mại từ thiện phương tiện để dứt trừ, nhưng việc lành đốt cháy phải cho dài lâu, đó là pháp đối trị kia.

Thứ bốn mươi lăm, Nê-bùn. Bản Phạm thiếu văn không giải thích. A-xà-lê nói: Đây là tâm vô minh ngày trước, cho đến việc gần ở trước mắt cũng không thể phân biệt ghi nhớ, cho nên trong luật nói giống như cục bùn, lại như bùn non ở bãi lầy, gặp việc khó vượt qua, khiến phải có chỗ nương nhờ, nghĩa là nhờ cầu... mới có thể vượt qua, nếu biết có phương tiện này thì phải trở về nương nhờ bạn lành, giúp phương tiện khai mở, mới có thể dần dần bỏ vô tri, trở lại sinh khởi tuệ tánh.

Thứ bốn mươi sáu, thế nào là tâm Hiểm sắc? Nghĩa là bắt chước kia làm tánh, ví như các màu nhuộm xanh, vàng, đỏ, trắng... nếu đem tơ trắng bỏ vào thì liền cùng một màu; tâm người này cũng giống như vậy, thấy, nghe pháp lành cũng theo đó mà làm, thấy nghe việc ác cũng nương theo tu học, cho đến Vô ký cũng giống như vậy, nhằm vào các cảnh giới tùy theo việc thay đổi, người tu hành tự hiểu biết rồi, phải nhớ nghĩ chuyên cầu pháp tự chứng, không do người khác ngộ, không bị duyên khác xoay chuyển, đó là pháp đối trị kia.

Thứ bốn mươi bảy, thế nào là tâm bản? Nghĩa là thuận theo tu pháp tùy lượng. Xả bỏ các điều lành, như ván ở trong nước, tùy theo sức của nó chở được các vật, quá hạn lượng thì không thể được cuối cùng vất bỏ hết. Tâm người này cũng giống như vậy, chọn lựa pháp lành, nghiệp tùy theo phần sức của mình, thực hành một việc xong, liền nói rằng: Ta từ trước đến nay, chỉ thực hành pháp này không biết pháp khác, cho đến tu hạnh tám trai giới thì không xả bỏ, lại không ưa thích làm các việc thiện ác, do phát tâm rộng lớn học hạnh Bồ-đề, đó là pháp đối trị tâm kia.

Thứ bốn mươi tám, thế nào là tâm mê? Nghĩa là chỗ chấp kỳ quái, chỗ suy nghĩ lạ lùng. Như người si mê muốn đến phía Đông mà lại đi về hướng Tây. Tâm người này cũng giống như vậy, ý muốn học pháp quán Bất tịnh, mà trở lại chấp lấy tướng tịnh, tự nói nay ta tu bất tịnh quán, hoặc là khi tu vô thường vô ngã, ngược trở lại thực hành thường, ngã,

nghĩa là nay ta tu vô thường vô ngã, do tâm tán loạn nên khiến cho như vậy, phải chuyên nhất nhớ nghĩ tâm kia, xét kỹ rõ ràng không quán sát trái ngược đó là đối trị tâm kia.

Thứ bốn mươi chín, thế nào gọi là tâm thuốc độc? Nghĩa là thuận tu pháp vô sinh phần. Độc nghĩa là các thứ ác độc rỗng, rảnh, cỏ thuốc. Như người trúng độc chết ngất, chuyển đến chỗ chết không có phần sống, tâm người này cũng giống như vậy, không sinh tâm lành cũng không sinh tâm ác, cho đến tất cả tâm không thể sinh khởi, chỉ để mặc mà làm, dần dần vào trong vô nhân vô quả, vì thế gọi là vô sinh phần pháp; người tu hành tự hiểu rồi, nên phát khởi đại bi, các điều lành là đoạn diệt không, tức cái gọi là thuốc mầu cam lồ.

Thứ năm mươi, thế nào là tâm ràng buộc? Nghĩa là tất cả nơi trụ trong ngã phược làm tánh. Như người bị dây lưới trói buộc, cho đến tay chân không thể lay động, tâm người này cũng giống như vậy, rơi vào trong đoạn kiến ngã phược, kiến này có khả năng buộc tâm hành giả, cho đến đối với tất cả nơi chốn, thường bị giam giữ không thể tự thoát ra, là chướng rất nặng. Đã hiểu biết rồi, phải mau dùng dao chính tuệ duyên khởi quyết định dứt trừ chướng, cái, đó là pháp đối trị.

Thứ năm mươi mốt, thế nào là tâm gông cùm? Nghĩa là hai chân dừng trụ làm tánh. Ở tay nói là cùm, ở chân nói là gông, như người bị gông cùm giam giữ hai chân đứng lại không bước tới trước được; tâm này cũng giống như vậy, thường ưa ngồi ngay thẳng, đứng ở yên lặng để tâm tu định và quán sát pháp nghĩa, vì bị tâm này bó buộc, gọi là tâm gông cùm, trong đây thực hành để đối trị là phải ở trong bất cứ nơi nào, bất cứ ở đâu tư duy tu tập, khiến tịnh loạn không chia rẽ, là đã đối trị.

Thứ năm mươi hai, thế nào gọi là tâm mây? Nghĩa là thường suy nghĩ khi làm mưa xuống, như trong ba tháng hạ ở bốn phương, mưa dầm rất lâu ngày, thường gây ra sự trệ ngại, tối tăm đến cùng tột. Khi tâm thô tục, buồn, vui, suy nghĩ, lo lắng thì che lấp sự vẻ vang tươi tốt sinh trưởng rất nhiều, cho nên nói khi mưa xuống thì lo lắng suy nghĩ, hiểu biết rồi thì phải thực hành tâm xả, xa lìa sự vui buồn ở thế gian, thuận theo pháp hỷ, đó là pháp đối trị.

Thứ năm mươi ba, thế nào là tâm ruộng? Nghĩa là thường chăm sóc tự thân, như người có thửa ruộng tốt đẹp, thường làm đất, cày cuốc, làm cỏ nhổ bỏ cỏ xấu các, các thứ phương tiện để được sạch sẽ, người này cũng giống như vậy, thường chăm sóc tự thân, dùng hoa hương mùi thơm... rửa bản, chăm sóc nuôi dưỡng khiến cho sáng sạch tốt đẹp, hiểu biết rồi thường nhớ nghĩ lại công sức này mà sửa đổi tâm mình, do các

thứ cúng dường đầy đủ như vậy, gieo trồng ruộng phước giúp thành quả tốt, là pháp đối trị kia.

Thứ năm mươi bốn, thế nào gọi là tâm muối? Nghĩa là suy nghĩ lại thêm suy nghĩ. Như tánh muối là mặn, tất cả nhập, xứ, đều thêm vị mặn, Tâm người này cũng giống như vậy, đối với việc suy nghĩ lại thêm suy nghĩ, như khi nhớ nghĩ dục, sắc thì liền sinh ý, trở lại tự tìm cầu, tâm ấy do đâu mà sinh? Tạo ra tướng mạo thế nào? Quán tâm này chưa quyết định, lại nhớ nghĩ tìm cầu tâm này xem có nhân duyên gì, như vậy sẽ không cùng tận, đã giác biết rồi, phải tất cả nhắm vào an tâm mà xét lý của sự việc, khiến cho thông suốt; lại tâm tánh xa lìa suy nghĩ, không thể so lường năng tri, không ở trên phân biệt lại thêm “tâm sở”.

Thứ năm mươi lăm, thế nào gọi là tâm đao cạo? Nghĩa là chỉ nương vào pháp cạo bỏ này. Cạo bỏ râu tóc là tướng lìa tục xuất gia, nghĩa là tâm người này chỉ nghĩ rằng: Ta đã cạo bỏ tướng thế tục, khiến pháp ác không sinh trưởng thì còn gì để tìm cầu, phải biết tâm này rất ác, do tự mình phân làm giới hạn, làm cho gốc lành bị cạo bỏ khiến không sinh được, phải suy nghĩ tất cả Thánh hiền cái cần dứt bỏ, đó gọi là Vô minh trụ địa, nguồn gốc ba độc. Nếu có thể cạo bỏ thứ này cho vọng tưởng không sinh, mới gọi là chân xuất gia.

Thứ năm mươi sáu, thế nào là tâm Di-lô? Nghĩa là thường tư duy tâm cao cử làm tánh. Như núi Tu-di cao hơn tất cả các ngọn núi, không núi nào hơn nó được. Tâm người này cũng giống như vậy, thường lấy núi cao làm tánh cho đến thầy tổ, cha mẹ... là những bậc đáng tôn kính, đều không thể hạ ý, giống như cờ cao không thể cong lại, nếu muốn cong lại thì phải bẻ cong, cuối cùng không thay đổi được mà luôn giữ vững, lấy nhẫn nhục khiêm ty, đối với tất cả chúng sinh tưởng như Đại sư, làm pháp đối trị.

Thứ năm mươi bảy, thế nào gọi là tâm biển...? Nghĩa là thường thọ dụng tự thân mà an trụ. Ví như biển lớn dung nạp trăm sông trở về không giới hạn, tâm này cũng giống như vậy, tất cả việc tốt đều trở về nơi mình, nghĩa là nghi ngờ người khác không bằng mình, thường giữ như thế sinh nhiều sở trường, từ thọ dụng này mà an trụ, tâm trước cần phải cao, tâm này cần phải rộng, cho nên nói ngang với biển. Hành giả hiểu biết rồi phải nghĩ ba Hiền mười Thánh... biển vô lượng công đức lớn, lần lượt sâu rộng, tự chế phục tâm hành, nó chưa từng bị mảy trần làm ngăn ngại, không nên khởi tâm đại mạn.

Thứ năm mươi tám, thế nào là tâm hố? Nghĩa là trước quyết định kia, sau lại thay đổi làm tánh. Ví như đồ dùng bền chắc, sau đó gặp

duyên khoét một lỗ không thể dùng được, tâm này cũng giống như vậy. Lúc đầu thọ trì được nhiều, sau bị khoét lỗ lỏng chảy, hoặc khi mới phát tâm thọ giới thì đầy đủ không thiếu, không bao lâu dần dần sinh pháp hữu lậu, giống như đồ dùng đã hư hoại thì nước sẽ rỉ chảy không dừng, những trường hợp như thế, đều gọi là tâm hổ, vì thế hành giả phải khiến cho việc đã làm đều có đầu, cuối; lại biết tánh hay thay đổi, có thể rất chóng ngại tâm Bồ-đề vững chắc, để đối trị kia.

Thứ năm mươi chín, thế nào gọi là tâm thọ sinh? Nghĩa là tu tập hạnh nghiệp ở các hữu mà tâm ấy sinh, tâm đồng như thế, như người do nghiệp hắc, bạch mà chịu quả báo thiện ác, do việc làm nhiều thứ lẫn lộn, nên thọ báo phải chịu vô lượng thân khác nhau, Tâm này cũng giống như vậy, các hạnh đã tu đều muốn hồi hướng thọ sinh, phải biết đắc quả cũng gồm cả thiện ác. Vì thế hành giả phải suy nghĩ xét chọn thiện ác, trừ bỏ bất thiện, thuần tu bạch pháp, từ trong điều lành này, trở lại dùng trí tuệ lần lượt dứt bỏ các kim loại không tinh, thứ lớp như vậy, cho đến đắc thành diệu quả thuần nhất đề hồ thanh tịnh, là pháp đối trị.

Tâm sáu mươi, bản Phạm thiếu văn, A-xà-lê nói: Một ít tâm khi vượt. Vậy tánh của khi vượt, thân tâm tán loạn, thường không tạm dừng, người tu hành cũng giống như vậy, tánh kia loạn động không yên, thường bị phan duyên, giống như khi vượt buồng một cành, bắt lấy một cành. Tóm lại, chúng sinh đều như vậy, nay thì chú trọng mà nói, trong đây lại không theo tư tưởng động tán, buộc duyên một cảnh, đó là cách đối trị, giống như khi vượt, nếu buộc vào cột thì không buồng lung bước chân nhảy cao, là đã đối trị.

Nhưng sáu mươi tâm này hoặc khi hành giả bản tánh thay đổi nhiều, hoặc do hành đạo thói quen trước kia dụng tâm phát động, hoặc cùng lúc nhiều thứ xen nhau sinh khởi, hoặc theo thứ lớp mà sinh, phải bất cứ lúc nào cũng lưu tâm xem xét, tự nhiên được thuận với tâm Bồ-đề thanh tịnh, nếu bậc thầy khi vì đệ tử sửa cho đất tâm bằng phẳng (thanh tịnh) cũng phải mỗi mỗi chọn, bỏ.

**Kinh chép:** Nay Bí Mật Chủ! Một, hai, ba, bốn, năm, nhiều số, tất cả sáu mươi tâm, vượt khỏi ba vọng chấp thế gian, tâm xuất thế gian sinh khởi, cho đến một trong bốn phần, giúp người tín giải, cũng là trả lời các tâm tưởng và tâm khác lạ. Do có vô minh nên tâm sinh năm thứ phiền não căn bản là tham, sân, si, mạn, nghi. Sở dĩ không nói ngũ kiến, vì thuộc kiến phiền não thường nằm trong sáu mươi tâm, năm thứ phiền não căn bản này, số đầu tiên là mười, số lần thứ hai thành hia mươi, số

lần thứ ba thành bốn mươi, số lần thứ bốn thành tám mươi, số lần thứ năm thành một trăm sáu mươi tâm. Do tâm phiền não của chúng sinh thường nương vào hai pháp nên không được trung đạo. Tùy theo việc có tên khác nhau, liền chia làm hai, căn cứ trong hai thứ này, lại còn lần lượt chia nhỏ, danh tướng kia, đầy đủ như trong Thập Muôn Kệ nói, nếu lại căn cứ vào chín phẩm thượng, trung, hạ... cho đến thành tám muôn trần lao, rộng thì vô lượng. Ví như từ một hạt giống sinh năm gốc rễ. Trong một gốc rễ đều chia thành hai cành đến thứ năm chia ra thì thành sáu mươi tâm chi (cành nhỏ). Từ đây lại còn chia ra thì cành lá không thể tính được. Lại như vào kiếp sơ, người đều do hóa sinh, lấy niệm làm thức ăn, ánh sáng của thân tự nhiên an vui không chướng ngại, nhưng vì không biết tướng thật của tâm, tham trước chút ít vị đất, do ăn vị đất nhiều hay ít nên sắc mạo tùy theo đó mà khác nhau, tâm phải, trái, hơn, thua, do đây mà sinh, do đó tâm kiêu mạn, nên phước lợi suy giảm, vị đất ẩn mất, cho đến cây rừng ở trên mặt đất cũng không còn mọc, sau tự nhiên ăn lúa gạo, mới có các thứ nam nữ, dâm, trộm, sát sinh, nói dối, các thứ phi pháp... lần lượt sinh khởi. Việc ấy trong kinh A-hàm có nói rộng. Từ đó về sau có các thứ giòng họ, các thứ phong tục của địa phương, khởi đủ loại kết nghiệp phiền não, thành bao nhiêu nẻo chúng sinh, tạo ra đủ loại thân năm ấm. Bản thân không phải bậc Nhất thiết trí thì không thể xét đoán ngọn ngành kia; các vị A-xà-lê sử dĩ làm ví dụ này, vì muốn chỉ bày một tâm vô minh tùy theo việc chia ra, mà thành vô lượng, vô biên vọng chấp.

Vượt ba vọng chấp thế gian thì tâm xuất thế gian sinh khởi, nếu đem tâm Bồ-đề thanh tịnh làm tâm xuất thế gian, tức là vượt lên ba kiếp Du-già hành. Tiếng Phạm là Kiếp-ba, có hai nghĩa:

1. Thời phần.
2. Vọng chấp.

Nếu giải thích theo thông thường thì vượt qua một kiếp Du-kỳ (Du-già) hành, tức là vượt qua một trăm sáu mươi tâm bằng một lớp vọng chấp thô, gọi là một A-tăng-kỳ kiếp. Hành giả môn Chân ngôn lại vượt một kiếp, lại vượt qua một trăm sáu mươi tâm, bằng một lớp vọng chấp rất tế, đặc đến sơ tâm Phật tuệ, cho nên nói ba A-tăng-kỳ kiếp thành Phật. Nếu một đời vượt qua ba vọng chấp này thì một đời thành Phật, đâu luận đến thời phần ư? Căn cứ trong lớp thứ nhất, vào lúc đầu tiên hiểu rõ chỉ có uẩn mà không có ngã thì gọi là tâm xuất thế gian sinh khởi. Vượt qua sáu mươi tâm thế gian, lìa ngã đến chỗ sinh ra ba độc căn bản, gọi là vượt ba vọng chấp.

Lại nữa, có ba vọng chấp, đó là căn, cảnh, giới, lưu giữ người tu hành.

Căn nghĩa là sáu căn, Cảnh tức là sáu trần, Giới là sáu thức giới, như trong ngoài mười hai giới chính là căn, cảnh, nên hiệp lại để nói. Chính ba quả này là chỗ đã lưu giữ người học đạo, do đó nói là lưu giữ tu hành.

Lại nữa có ba vọng chấp đó là nghiệp, phiền não gốc và hạt giống vô minh, chính là các vị Thánh, Vô học đã dứt bỏ, chỗ rất khó dứt bỏ gồm có ba thứ ba vọng chấp. Người học Đại thừa mới bắt đầu được xuất thế, tâm ngang với sự thấy đạo của Tiểu thừa, nhưng không rơi vào chánh vị Thanh văn. Vì sao? Vì do kia từ khi mới phát tâm, đã biết tâm tánh chỉ bị ngã đảo che lấp, nên chưa hiện ra được. Bây giờ quán xét ấm, giới, nhập... đều từ duyên sinh, thay đổi vô thường, trong đó cái gì là thần ư? Khởi tìm cầu như thế, liền hiểu rõ Thần vốn không sinh, vượt qua vô lượng lưới kiến chấp, tâm Bồ-đề thanh tịnh sáng thêm một ít, do được thế lực tâm Bồ-đề, vì thế không rơi vào đất Nhị thừa.

Nhưng hành giả kia có pháp cấp ở trong tâm, nếu khi tu thiền định, các loại đạo phẩm, các độ, dù trong đó không khởi các ngã tưởng, nhưng tâm trụ ở và lưu lại lâu trong những pháp thiền định, không thể chóng đến Bồ-đề, vì chẳng phải thật khéo léo vượt qua nên gọi là lưu giữ tu hành, nhưng cũng có một ít xa lìa ba chấp cõi dưới, có thể nhổ gốc của nghiệp phiền não và hạt giống vô minh, sinh mười hai Nhân duyên, biết pháp sâu xa như thế, có Phật hay không có Phật, tánh tướng thường như thế. Như trước đã nói: kiến lập tịnh, không kiến lập vô tịnh... Các tông chấp đều không tương ứng, cho đến Trường Trảo, Tiên Ni... các đại luận sư... tự tâm đem trí tuệ lợi căn tìm cầu tướng thật các pháp, đều không thể suy tính so lường; nghĩa mười hai nhân duyên này, như lúa nếp thơm tươi tốt... như kinh Đạo Can có nói rộng.

Trạm tịch: Tịch, nghĩa là bất sinh, nghĩa là năm phiền não căn bản và một trăm sáu mươi tùy phiền não... rất ráo đều không sinh, nên gọi là “tịch”. Trạm: nghĩa là sâu xa, đầm nước trong sâu muôn nhận lặng yên soi suốt, người ở trên nhìn xuống không lường được cạn sâu, cho nên nói ba loài thú qua sông, mỗi loài tùy theo chỗ dấp chân quậy đến. Chỉ có voi Đại hương tượng đầu đàn, có thể dần dần quậy sâu vào đến tận đáy kia mà thôi. Trong đây có người trong ba thừa, đồng dùng vô ngôn nói Đạo, đặc tướng thật các pháp, nhưng hàng Thanh văn nhập pháp tránh rất cạn, vì thế nhằm chán sinh tử, tự nói đã đắc Niết-bàn, sinh tướng diệt độ. Bích-chi-Phật chỗ nhập khác xa, cho nên ở trong

sinh tử mà không quá vội vàng, nhưng không thể dùng năng lực phương tiện phát khởi đại bi, khi Bồ-tát ngộ pháp như thế thì biết tâm ấy dơ bẩn dần dần dứt bỏ, vì thế tâm thanh tịnh hiện dần. Bấy giờ, liền được tâm Bồ-đề lớn mạnh, có thể theo học đạo không dừng, vượt qua các pháp môn, vì thế trước nói cùng trong một pháp mà cao thấp có khác.

**Kinh chép:** tất cả ngoại đạo không thể hiểu biết: Trong tông này có hai thứ ngoại đạo:

1. Ngoại ngoại đạo: Ví như nhìn thấy hồ nước trong ngược lại sinh lo sợ không dám thường gần.

2. Nội ngoại đạo: tuy có thể thường ngâm ở trong đó, vừa nóng để gội bỏ dơ bẩn được vui mát mẻ, nhưng không biết trong đó có vô lượng vật quý báu, một là không vào nên không biết, hai là vào mà không biết, vì thế nói tất cả ngoại đạo không thể biết.

Trước, Đức Phật giảng nói lìa tất cả lỗi: là nói các Đức Phật ba đời mười phương chỉ có một môn này, khuyên dụ dẫn dắt chúng sinh mê muội ra khỏi nhà lửa, chỗ này không còn chướng ngại, nói rộng không sinh, cho nên các vị sư nhân lượng, không thể thoát khỏi lỗi ấy, nhưng chưa vượt qua pháp chướng, chưa gọi là tâm Bồ-đề chân tịnh, như hoa sen đã lìa bùn dơ, vẫn chưa ra khỏi nước, vì thế kinh chép: Tâm ra khỏi thế gian mà thân ở trong uẩn, do hành giả ở trong Du-già tâm vắng lặng tuy đã hiện rõ; nhưng khi gặp việc thì căn, trần, thức... vẫn còn trong tâm. Nhờ nhàm sợ hữu vi, mê đắm pháp vô vi, nhưng do thế lực tâm Bồ-đề, tự nhiên không do người khác dạy, có như thế tuệ theo đó sinh khởi, có thể đối với uẩn... phát khởi tâm kia tu xa lìa chấp trước phương tiện.

Trong năm thứ ví dụ quán sát vô tánh không.

Câu thứ nhất quán sát chùm bọt nước, như bọt nổi trên mặt nước, dù có thể nhìn thấy các thứ hình dáng, nhưng tìm thật tánh thì hoàn toàn không thật có. Sắc ấm cũng giống như vậy, hoặc thô, hoặc tế đều từ các duyên sinh ra, duyên sinh sinh vô tánh, tức là sắc vốn không sinh.

Câu hai quán chùm bọt nước, như mùa hạ mưa lớn, bọt nổi trên mặt nước, cũng chỉ lệ thuộc các duyên.

Câu bốn đều quán sát không khởi diệt, thọ, ấm cũng giống như vậy, các khổ vui... đều từ căn và trần hòa hợp mà sinh, từ duyên sinh thì không có tự tánh, tức là thọ vốn không sinh.

Câu tiếp theo quán ánh sáng mặt trời như trăng xuân khí đất, ánh sáng mặt trời nhìn giống như nước, người khát lầm sinh tâm mong cầu, gắng sức chạy nhanh đến chỗ xa xôi. Chúng sinh cũng như vậy, không

biết duyên khởi tánh không nên có pháp tướng sinh, nếu ngộ tướng thật thì tướng vốn không sinh.

Câu tiếp theo là quán cây chuối như người tìm sự chắc thật trong cây chuối, cho đến từng bẹ từng bẹ lột hết ra, đến chỗ gân với hư không cũng không thật có.

Hành ấm cũng giống như vậy, một mảy nhỏ liên quan đến trần cảnh, đều từ các duyên sinh ra, duyên sinh không có tự tánh, tức là hành vốn không sinh.

Kế là nói về giả: như năng lực chú thuật, thuốc ở thế gian, làm mê hoặc che lấp tâm người, hiện các việc chưa từng có, thức ấm cũng giống như vậy, từ một niệm vô minh, huyền tâm mới vượt qua ba cõi, cứu xét nguồn gốc kia, đều không có sinh diệt qua lại. Phải biết từ các duyên sinh không có tự tánh, cũng lại vốn không sinh.

Trong kinh Thanh văn, tuy nói năm dụ này, nhưng ý nói Vô ngã. Nay năm dụ ở đây, ý nói các uẩn tánh không, như quán năm uẩn phải biết mười hai nhập, mười tám giới, sáu nhập, mười hai duyên... đều nên phân biệt nói rộng, như trong kinh Đại Bát-nhã chép: Hành giả khi quán sát như vậy. Từ pháp môn vô tánh đạt được các pháp tức không lìa được một lớp pháp đảo, rõ biết tâm tánh, như thế không bị uẩn, giới, xứ, năng chấp, sở chấp làm lay động, vì thế gọi là chứng cảnh giới tịch nhiên. Khi chứng cảnh giới tịch nhiên này, dần dần vượt qua cảnh giới Nhị thừa, như hoa sen tuy chưa nở, nhưng đã vượt lên dòng nước trong. Hành giả cũng giống như vậy, tâm không trở lại chìm đắm trong uẩn, cho nên gọi là tâm ra khỏi thế gian. Nếu Y theo dịch đúng thì phải nói tâm trên thế gian.

Này Bí Mật Chủ! Kia xa lìa tám tâm trái thuận, nối tiếp mảnh lưới nghiệp phiền não. Như trước đã nói hạt giống căn bào... đến quy y Tam bảo, cho trời người vâng làm pháp lành trai thí, đều gọi là tám tâm thuận đời. Nếu ba thừa bắt đầu phát Đạo ý cho đến nhỏ gốc nghiệp phiền não, hạt giống vô minh, sinh mười hai nhân duyên, gọi là tám tâm trái đời, hoặc có thể phân chia các địa vị kiến đạo, tu đạo... mỗi địa vị tự có tám tâm. Hành giả Đại thừa hiểu rõ các uẩn tánh không, đối với tất cả pháp, đều không thủ cũng không xả, xa lìa tám tâm trái, thuận, hai đảo ngã, uẩn, hai thứ lưới nghiệp phiền não, đó gọi là vượt qua một kiếp Du-kỳ hành.

Du-già dịch là tương ứng, nếu dùng âm nữ mà gọi thì nói là Du-kỳ. Có chỗ nói tương ứng: tức là người quán hạnh ứng với lý.

Y theo thường tình để giải thích thì Bồ-tát từ khi mới phát tâm đến

nay trải qua một đại A-tăng-kỳ kiếp, mới chứng cảnh giới tịch nhiên như thế, nay tông Bí mật, chỉ cần vượt qua một lớp vọng chấp này tức là vượt A-tăng-kỳ kiếp, hành giả chưa vượt qua kiếp này, khi bằng địa vị với Bích-chi-Phật thì gọi là chỗ cùng cực không thể nói năng. Bấy giờ, tâm dính mắc ở tướng pháp vô vi, nếu mất phương tiện thì thường rơi vào đất Nhị thừa, chứng tiểu Niết-bàn, nhưng nhờ thế lực tâm Bồ-đề có thể trở lại phát khởi bi, nguyện; từ đây về sau con đường ba thừa bắt đầu phân chia, nhưng nhân, pháp sở quán đều không, cùng các tông Thành Thật, chưa cách xa nhau mấy, còn ràng buộc ở lý thiên chân, nên thực hành quán bình đẳng này, vì thế tâm xuất thế gian ba thừa thượng, trung, hạ, hợp nói một tăng-kỳ kiếp, đến tăng-kỳ thứ hai, mới khác hàng Nhị thừa.

**Kinh chép:** Nay Bí Mật Chủ: Hạnh Đại thừa, phát tâm vô duyên thừa, pháp không có tánh ngã. Vì sao? Như người kia ngày xưa tu hành như vậy, quán sát uẩn, A-lại-da, biết tự tánh như huyễn, ánh sáng của mặt trời, ảnh hưởng vòng lửa xoay tròn, thành Càn-thát-bà, tức là biết rõ quán lớp thứ hai pháp không có ngã tánh. Tiếng Phạm Mãng-bát-la, nghĩa là vô cũng là nghĩa Tha, tức là tha duyên. Thừa nghĩa là phát thệ lớn bình đẳng, vì pháp giới chúng sinh thực hành đạo Bồ-tát, cho đến các vị Nhất-xiển-đề, và Nhị thừa chưa vào Chánh vị, cũng phải dùng các thứ phương tiện khuấy phục nhiếp thọ, khắp giúp đồng vào thừa ấy; dựa vào đại Bi vô duyên này, vì thế gọi là Tha duyên thừa. Lại Vô duyên thừa, đến tăng-kỳ này mới có thể quán sát thức A-đà-na sâu xa nhỏ nhiệm, hiểu rõ ba cõi duy tâm, ngoài tâm không có một pháp nào thật có, nương vào tâm vô duyên này mà thực hành đạo đại Bồ-đề, do đó gọi là Vô duyên thừa. Tâm Vô duyên thừa này tức là pháp không có ngã tánh, do hành giả vào kiếp sơ tu quán hạnh thì tâm chìm trong uẩn, dùng năm pháp môn vô tánh không để quán pháp vô ngã, nhưng trông mong duyên sinh trung đạo, vẫn thuộc về đối trị Tất-đàn. Nếu mất phương tiện Bát-nhã thì rơi vào đoạn diệt, gọi là người chấp không sai lầm, lạm xưng người tu đạo Đại thừa. Nay Đại thừa không thật có tướng không, tướng không cũng không thật có, dù quán các pháp vô sở hữu nhưng còn các pháp vô sở không cho nên đạo phải lìa có, lìa không, quán pháp không có ngã tánh, vì muốn trừ sạch trí chướng, thuận theo các Bồ-tát ngày xưa để tu học, quán uẩn A-lại-da tức là kinh Lăng-già, Giải Thâm Mật... tám thức, ba tánh, ba vô tánh, đều là ý này.

**Kinh dạy:** Biết tự tánh: tức là biết ba cõi duy tâm, sáu ví dụ không thực, ánh sáng mặt trời, ảnh hưởng, vòng lửa xoay, thành Càn-thát-bà,

đều phân biệt rõ cả hai thứ có, không, hiểu nghĩa duyên khởi khác nhau của uẩn A-lại-da, cùng ý quán vô tánh không trong năm ví dụ trên ở kiếp trước, lại có khác nhau.

A-lại-da: nghĩa là hàm tàng, dịch đúng là thất, nghĩa là các uẩn ở trong đây mà sinh, cũng ở trong đây mà diệt, tức là chỗ chất chứa các uẩn, vì thế lấy làm tên. Nhưng A-lại-da có ba nghĩa:

1. Nghĩa là phân biệt.
2. Nghĩa là nhân duyên.
3. Nghĩa là chân thật.

Như trong bài kệ cầu chân thật của luận Đại Thừa Trang Nghiêm, vì lìa hai và mê y nên không nói không nói rộng. Phải biết ba tánh đều chân thật. Có chỗ nói lìa hai, nghĩa là phân biệt tánh chân thật, từ năng sở rất ráo không. Mê y: nghĩa là nương vào tánh chân thật người khác. Từ đây khởi các phân biệt. Không nói, không nói rộng: tánh chân thật thì chân thật, từ tự tánh không nói rộng.

Kế là nói về cầu chân thật, thí dụ kệ rằng:

*Như kia khởi huyễn sự  
Vì nói luống phân biệt  
Như các việc huyễn kia  
Vì nói hai thứ mê.*

Giải thích rằng như nhà ảo thuật nương vào năng lực chú thuật, biến gỗ, đá... để làm nhân mê, luống phân biệt như thế, tánh y tha cũng thế. Khởi các thứ phân biệt là nhân điên đảo. Lại như tượng vàng huyễn... các thứ tướng mạo hiển hiện, tánh phân biệt do như vậy sinh khởi cũng thế, vì năng thủ, sở thủ nên hai thứ mê thường hiển hiện. Kế đến kệ nói, như kia không có thể, được nhập Đệ nhất nghĩa, như kia có thể được thông đạt thế đế thật. Ý trong này nói, như việc huyễn kia không có thật thể, ở đây ví dụ hai tướng y tha, và phân biệt cũng không có thật thể, nhờ Đạo lý này mà được thông đạt Đệ nhất nghĩa đế; lại như thể của người huyễn, việc huyễn cũng không thật có, ở đây ví dụ luống dối phân biệt cũng giống như vậy.

Nhờ đạo lý này, mà được thông đạt thế-đế chân thật. Lại kệ nói: Việc kia do không thể, liền được cảnh chân thật, như vậy do chuyển y, liền được cảnh chân thật, như vậy do chuyển y, liền được nghĩa chân thật. Giải thích rằng: Nếu người hiểu được việc huyễn kia không có tự thể, liền được cảnh chân thật như gỗ... Như các Bồ-tát, khi hiểu được hai thứ mê không có tự thể liền được chuyển y, tức là được tánh nghĩa chân thật. Lại kệ nói:

*Việc ấy chỗ kia có  
Kia có thể cũng không  
Có thể không có ấy  
Vì thế nói là huyễn.*

Kệ này nói việc huyễn, có mà chẳng thật có. Vì sao? Vì Hữu: nghĩa là việc huyễn tượng, chỗ kia hiển hiện ra.

Phi Hữu: Nghĩa là thật thể kia không thật có. Như thế, có thể và vô thể cả hai đều vô, do nghĩa này cho nên nói kia là huyễn.

Lại kệ nói:

*Vô thể chẳng vô thể  
Chẳng vô thể tức thể  
Vô thể hữu thể không hai  
Cho nên nói là huyễn.*

Kệ này nói việc huyễn chẳng phải có mà có. Vì sao? Vì Phi hữu nghĩa là việc huyễn kia không có thật thể, do không có thật thể cho nên có, nghĩa là việc huyễn chẳng phải vô thể, do hình tướng hiển hiện ra.

Như thế, vô thể và hữu thể không hai, do nghĩa này cho nên nói kia là huyễn. Huyền này chính là ví dụ các uẩn, vì thế phải biết luống dối phân biệt có mà chẳng thật có. Vì sao? Vì hai hình ảnh kia hiển hiện nhưng thật thể không thật có. Vì thế nói sắc... có thể tức là vô thể.

Lại nữa, luống dối phân biệt, chẳng thật có mà có. Vì sao? Vì hai thứ kia đều không có thật thể, nhưng có hình bóng hiển hiện, nên nói sắc... vô thể và hữu thể không hai, do đây mà hữu Vô không hai, có thể ngăn ngừa sự dựng lập phỉ báng, đạt đến Niết-bàn, Tiểu thừa. Vì sao? Vì Vô thể biết vô thể, không nên an lập, do hữu thể biết thế đế, không nên phỉ báng; lại vì hai thứ không khác kia, không nên nhầm chán mà thể nhập Tiểu Niết-bàn.

Kệ kia lại nói:

*Hình huyễn và thủ huyễn  
Mê nên nói có hai  
Như thế không hai kia  
Có hai không thật có.*

Tướng xương và chấp xương, do quán cũng có hai, không hai mà nói hai, thật có cũng như vậy.

Bài kệ trước ý nói: Người mê đối với thân huyễn và chấp huyễn, vì mê cho nên nói có hai việc năng thủ và sở thủ, hai kia tuy không nhưng cả hai thật có, do mê mà hiển hiện. Bài kệ sau ý nói: người tu hành quán cũng như vậy, hình xương và chấp xương, do quán nên nói

có hai thứ năng quán sở quán, hai thứ ấy tuy không nhưng cả hai cũng thật có, do quán mà hiển hiện.

Hỏi: Quán như vậy rồi, lấy pháp nào để đối trị?

Đáp: Vì thế vị ấy lại nói hai bài kệ rằng: Nên biết Thể sở trị, nghĩa là pháp ấy mê tướng, thể ấy vô thể, hữu, phi hữu như huyễn. Nên biết Thể năng trị, các pháp như niệm xứ... thể ấy vô tướng, như huyễn cũng như thế. Bài kệ trước ý nói: chỗ nào đối trị thể, tức là mê pháp tướng. Mê pháp tướng: nghĩa là như thị như thị thể. Nhưng như thị thể có thể nói là có, do luống đối phân biệt nên cũng nói chẳng thật có, do hai thể năng thủ, sở thủ cùng chẳng phải thể không khác, như thể có cũng như huyễn, không cũng như huyễn, nên nói tướng này như huyễn.

Bài kệ sau ý nói: Thể năng trị tức là các pháp, nghĩa là niệm xứ... Đức Phật đã nói, như thị như thị thể, thể kia cũng đều như huyễn. Vì sao? Vì như chỗ chấp của các hạng phàm phu, như thị như thị hữu thể, như lời các Đức Phật nói, như thị như thị vô thể, thể này vô tướng.

Lại, Đức Phật, Thế-tôn thị hiện nhập thai, đản sinh, vượt thành xuất gia, thành đẳng chánh giác, như thị vô tướng, nhưng hình ảnh hiện ra, cho nên như huyễn.

Hỏi rằng, nếu các pháp đồng như huyễn thì do nghĩa gì, một là năng trị một là sở trị?

Kệ kia đáp rằng, như nhà ảo thuật giỏi, khiến các ảo thuật khác thoái lui, pháp thanh tịnh như thế, có thể khiến pháp nhiễm không còn. Do nghĩa này Bồ-tát tuy tu các hạnh, mà không có sở đắc. Luận kia nói quán sát uẩn A-lại-da, hiểu rõ tự tánh như huyễn, rất phù hợp với kinh này, vì thế nêu ra đầy đủ. Phải biết ánh sáng mặt trời, ảnh hưởng, vòng lửa xoay, thành Càn-thát-bà, cũng nên nói rộng như vậy, kiếp trước, năm dụ có bọt nước, cây chuối, trong đây sở dĩ không nói là vì ba việc này còn bị vướng mắc, pháp nói về vô tánh không, nhưng ý của các dụ như huyễn diệm... nói duy thức không cảnh, thể pháp khó hiểu, tức là thô tướng chuyển dung cho nên không nói. Hành giả hiểu các uẩn duy tâm, tức là hiểu tự tánh của pháp, khi chưa hiểu rõ tự tánh như thế, sợ rơi vào có sở đắc, không thể quán tận nguồn gốc lý hữu, sợ rơi vào đoạn diệt, không thể quán cùng tận lý không, chẳng những chỉ thấy hữu không rõ, mà còn thấy không chưa cùng tận, nay nhờ pháp môn như huyễn... soi thấy hữu và không chẳng hai, tướng nhân không pháp không, cũng không có trong tâm, đó gọi là chân chánh nhập vào pháp không, ngộ duy thức tánh.

**Kinh dạy:** Nay Bí Mật Chủ! Người ấy xả Vô ngã như thế! Tâm chủ tự tại giác tự tâm vốn bất sinh; tâm chủ tức là tâm vương, do không dính mắc đối với vô hữu, tâm không quái ngại, diệu nghiệp sẽ được tùy ý thành tựu cho nên nói tâm vương tự tại, tâm vương tự tại nói là tâm Bồ-đề thanh tịnh, lại chuyển một lần mở sáng hơn hẳn kiếp ở trước. Tâm vương giống như ao nước tánh vốn thanh tịnh, Tâm số trừ sạch giống như khách trần thanh tịnh, do đó khi chứng tánh tịnh này thì có thể tự biết tâm vốn không sinh. Vì sao? Vì tâm đời trước, đời sau đều không thật có, ví như biển lớn, làn sóng do từ duyên khởi, không phải trước không sau không, mà tánh nước là không, khi sóng từ duyên khởi thì tánh nước không phải trước không, khi nhân duyên sóng hết thì tánh nước không phải sau không, tâm vương cũng giống như vậy, không có mé trước sau, vì mé trước sau dứt, tuy gặp cảnh giới gió theo duyên khởi diệt, nhưng tâm tánh thường không sinh diệt, hiểu tâm này vốn không sinh, tức là dần dần nhập tự môn A.

Bấy giờ lại xa lìa một trăm sáu mươi tâm... trên trần sa một lớp phiền não vọng chấp nhỏ nhiệm, gọi là A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, do đó

**Kinh nói:** biết tâm tánh mình là vượt qua hai kiếp Du-kỳ hành. Trong đây Vô vi sinh tử nhân duyên sinh hoại như trong luận Thắng-man Bảo Tánh Phật Tánh có nói rộng, nay lại nói nghĩa của Tông nên không nói rõ. Nhưng từ trên đến đây hoặc bắt đầu hoặc cuối cùng, tự phát khởi một chút điều lành, cho đến vượt qua hai chướng nhân, pháp, hữu vô. Tuy tông cùng cực chuyển diệu càng sâu, vẫn để đối trị cấu ngoài tâm, nhưng còn chưa khai mở được các việc bí mật không thể suy nghĩ bàn luận ở trong tâm; từ đây về sau mới nói nếu không thực hành đối biện như thế thì thường tình đều theo thói quen xưa, không thể hiểu rõ sự nhiệm mầu ấy.

**Kinh chép:** Nay Bí Mật Chủ! Bồ-tát tu hành các hạnh Bồ-tát môn Chân ngôn, chứa nhóm nhiều kiếp vô lượng vô số trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa, vô lượng công đức trí tuệ, tu đủ các hạnh vô lượng trí tuệ phương tiện, thấy đều thành tựu: tức là muốn nói tâm vượt qua kiếp thứ ba, muốn giúp người thấy nghe tin ưa, tôn trọng, nên trước khen ngợi công đức của người ấy; có thể biết, như các Bồ-tát trong các giáo khác, thực hành đạo lý phương tiện để đối trị; tiếp đến dần dần trừ tâm như kia, trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, hoặc có khi đắc đến Bồ-đề, hoặc có khi không đắc đến, nay trong giáo này các Bồ-tát này thì không như vậy.

Lấy chân ngôn chân thật làm thừa, nhập vào pháp môn tâm Bồ-

đề thanh tịnh, khi thấy được tâm này rõ đạo, các Bồ-tát trong vô số kiếp tu phước, tuệ, tự nhiên đầy đủ, ví như có người dùng thuyền, xe, lăn lội, đi qua con đường ghê sợ, hiểm nạn, được năm trăm do-tuần.

Lại có một người, nương thân thông bay giữa hư không mà đi nơi người ấy bay qua và nơi đến tuy là không khác nhưng pháp nương vào có khác, vì thế Đức Thế-tôn trước nói rộng các tâm tướng như trên, để dạy cho hành giả tu quán môn Chân ngôn, nếu khi tu hành đến cảnh giới như thế thì phải hiểu rõ, không được chưa đến nói đến, mà bị dừng lại ở giữa đường.

Lại nữa, như khi Thái Tử của vua Chuyển luân vừa mới sinh ra, các tướng đầy đủ không thiếu, tuy chưa thể học hết các tài nghệ, thống trị bốn châu, nhưng đã sử dụng bảy thứ báu, thành tựu gia nghiệp của Thánh vương. Vì sao? Vì lúc đó đã đầy đủ thể của Chuyển vương. Hành giả chân ngôn bắt đầu vào tâm Bồ-đề thanh tịnh, cũng giống như vậy, tuy chưa ở trong vô số A-tăng-kỳ kiếp, đầy đủ các hạnh Phổ Hiền, đầy đủ đại bi phương tiện, nhưng các công đức Như lai, đều đã thành tựu. Vì sao? Vì tức là pháp thân của đầy đủ thể Tỳ-lô-giá-na, do đó kinh nói vô lượng, vô số kiếp, cho đến trí tuệ phương tiện, thấy đều thành tựu.

Lại như Vương tử mới sinh, lại cũng là chỗ rất nhiều rồng thần tôn kính quay về, mới phát tâm Bồ-đề thanh tịnh, cũng giống như vậy, đã vì trời, người thế gian quên mất Chánh đạo mà làm chỗ đại quy y, như thông thường các luận đã nói, khi chứng tâm này thì gọi là Phật, cho nên tất cả Thanh văn, Duyên giác như Xá-lợi-phất... dụng hết trí lực của họ, cũng không thể so lường, cho nên kinh nói vượt qua tất cả địa vị Thanh văn, Bích-chi-phật.

Do hành giả khi chứng được tâm này thì biết Tịnh độ của Thích-ca Mâu-ni không hủy hoại, thấy tuổi thọ Phật dài lâu, thân bản địa và thượng hạnh... các Bồ-tát từ đất vọt lên, đồng nhóm họp một chỗ, tu tập đạo lý đối trị, tuy dấu vết gần Bồ xứ nhưng không biết một người, do đó gọi là Bí mật.

Lại Bồ-tát này, có khả năng ở trong tâm tịnh rất ráo, khắp nhóm họp các Đức Phật, Bồ-tát trong mười phương pháp giới, cũng tự mình đến khắp mười phương, cúng dường các Thiện tri thức, thưa hỏi chánh pháp, chỉ một mình hiểu rõ, trời, người đời không thể biết, do nhân duyên này, lại gọi là bí mật, hai kiếp tiền, trung, tuy nói vượt qua địa vị Nhị thừa, tuy tu Bồ-đề... nhưng vẫn còn nương thân lực Đức Phật, giảng nói nhân pháp đều không, nhưng đối với nhất thừa bí mật này, tâm sinh nghi sợ, không biết hướng đến, chính gọi là vượt qua địa vị Thanh văn,

Bích-chi-Phật.

Bấy giờ chư Thiên đại oai đức, không thấy tâm Bồ-tát nương chỗ nào, đều sinh kính tín, vì thế Thích Đề-hoàn Nhân nói lời nguyện rằng, nay vị Thượng nhân này không lâu nữa sẽ thành Phật, nếu khi vị ấy thành Phật, ta sẽ dâng cúng cỏ cát tường; Tứ Thiên Vương cũng nghĩ như vậy: Nếu khi Bồ-tát này thành Phật, ta sẽ dâng cúng bình bát, Phạm thiên vương cũng nghĩ là: Nếu khi Bồ-tát này thành Phật thì ta sẽ thỉnh cầu Xoay bánh xe pháp, cho nên nói gần gũi kính lễ.

Đã khen ngợi công đức nhập môn Chân ngôn xong. Nhưng hành giả lại dùng pháp nào để nhập môn này, cho nên kinh lại nói: pháp đó gọi là không tánh. Không tánh tức là tự tâm sánh bằng tánh hư không. Văn trên nói vô lượng như hư không, cho đến Chánh Đẳng giác hiện ra, tức là dụ cho tâm này.

Kiếp trước ngộ môn pháp duy tâm, ngoài tâm không có pháp, nay quán tâm này tức là trí tự nhiên của Như lai, cũng là thân khắp tất cả của Tỳ-lô-giá-na, do tâm như thế, nên các pháp cũng như thế, căn, trần đều nhập tự môn A. Vì thế nói xa lìa căn cảnh, hình tướng không ra ngoài thường tịch diệt quang, do đó nói là vô tướng, vì trí tướng thật của tâm biết rõ tướng thật của tâm, cảnh trí đều là Bát-nhã ba-la-mật, cho nên nói không có cảnh giới, do mười dụ trong đây và mười dụ ở trước trở lại thành nói rộng, do đó nói vượt qua các thứ nói rộng.

Lớp nhỏ nhiệm thứ ba một trăm sáu mươi tâm, hạt giống thọ nghiệp phiền não dứt trừ, lại có mầm cây Phật sinh, vì thế nói tất cả Phật pháp sánh bằng hư không vô biên, nương vào đây tiếp tục sinh khởi, đã không hoại nhân duyên mà liền nhập pháp giới, cũng không động pháp giới tức là duyên khởi, phải biết nhân duyên sinh diệt, tức là pháp giới sinh diệt, pháp giới không sinh diệt tức là nhân duyên không sinh diệt, vì thế nói xa lìa hữu vi vô vi giới, hoặc Như lai xuất hiện, hoặc Như lai không xuất hiện thì các pháp vẫn pháp nhĩ như thị trụ, do đó nói lìa các tạo tác, như trong Bát-nhã tất cả pháp thú hưởng đến mắt, thú hưởng này không lỗi, giống như trăm sông chảy về biển, không chảy đến chỗ khác, thế nên phải biết mắt là mé thật bậc nhất, trong mé thật bậc nhất, mắt còn không thật có, hưởng chi là thú hưởng, không thú hưởng ư? Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống như thế, cho nên nói lìa mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Hành giả khi đắc tuệ nhỏ nhiệm như vậy, quán tất cả các pháp tính nhiễm, cho đến một phần nhỏ gần như hư không đều từ duyên sinh, nếu từ duyên sinh thì không có tự tánh, nếu không có tự tánh thì tức

là vốn không sinh, vốn không sinh tức là tâm thật tế, tâm thật tế cũng không thật có, do đó nói sinh Cực Vô Tự Tánh Tâm.

Tâm này quay về hai kiếp trước, giống như hoa sen nở tròn, nếu quay về phía hai tâm sau thì quả trở lại thành giống mầm, vì thế nói: Sơ tâm như thế Phật nói là nhân thành Phật, cho nên ở trong nghiệp phiền não mà giải thoát, nhưng nghiệp phiền não cũng nường đầy đủ; trong đây nói Phật dạy.

Thế-tôn nhờ các Đức Phật trong mười phương ba đời làm chứng, nói: Vì một việc nhân duyên này, mà làm cho tri kiến thanh tịnh của chúng sinh mở sáng, đạo lý sâu kín kia đồng nhau. Hành giả khi giải thoát tất cả nghiệp phiền não thì biết tất cả nghiệp phiền não đều là Phật sự. Vốn tự không có ràng buộc thì khiến ai giải thoát? Như thầy thuốc giỏi biến chất độc trở thành thuốc dùng để trị các tật bệnh; lại như hư không ra khỏi các tướng, nhưng muôn vật đều nường, nếu khi trụ giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận này thì đó là chân A-la-hán, không mê đắm hữu vi vô vi, thích hợp thọ sự cúng dường rộng lớn của tất cả thế gian.

Do đó kinh nói: Thế gian tôn sùng, thường nên cúng dường.

Lại nữa, A-xà-lê muốn nói về việc nên cúng dường này, nói chung ba kiếp từ đầu đến cuối, lấy ngọc quý làm ví dụ, giống như có Ngọc Như Ý ở trong mỏ đá, do người đời không biết, nên bỏ giữa đường đi, không khác với ngói, đá, nhưng riêng ngọc ấy vừa thấy có chút ánh sáng ở ngoài thì liền biết được, trước dùng sắt nhọn, cạy bỏ đá xấu, đã gần ngọc quý thì đá kia dần mềm, lại dùng các thuốc cho ăn mòn, khiến tiêu hóa quặng đá xấu, nhưng không tổn hại chất kia.

Bấy giờ chất bẩn thô đã hết chỉ còn ít chất dơ nhỏ, đã rửa lại dùng tro nước mài cọ cho sạch, dùng các phương tiện để cho ánh sáng phát ra, ánh sáng đã được hiện ra, để trên cờ cao, có thể tùy theo tất cả chỗ mong cầu khắp mưa ra các vật. Bấy giờ, người đời sinh cho là lạ, tôn trọng ngọc quý ấy giống như đại thiên, vì có khả năng làm đầy đủ sự mong cầu. Nhưng ngọc báu này trong một thời gian khắp ứng với tâm mọi người, tùy theo chỗ được của người mỗi mỗi khác nhau. Nhưng các vật này trước có trong ngọc báu hay không có trước? Nếu có trước thì ngọc nhỏ này làm sao có thể chứa nhiều vật? Nếu không có trước thì làm sao có thể bỗng nhiên mưa xuống các vật? Thế thì vật báu ở thế gian này, đã không thể suy nghĩ bàn luận, huống chi là tâm Bồ-đề quý báu của chúng sinh?

Thế nên, các Thiện tri thức, khi vừa thấy tám tâm của chúng sinh

ở thế gian bắt đầu phát động thì liền biết là chân thật, đó là do gặp nhau mà biết.

Các Đức Phật, Bồ-tát cũng giống như vậy, đã lâu chứng biết tự thân từ một việc lành rất nhỏ mà tự đến Đại đạo Bồ-đề, thế nên soi thấy căn cơ của người ấy, liền rất hoan hỷ, dùng phương tiện khuyến dụ tiến lên khiến thọ Tam quy, như trước đã phân biệt nói: Ví như lấy đá chai để ở trong nhà, kể là dùng ba thứ ba tâm, nhỏ gốc nghiệp phiền não và mầm mống vô minh, như sắt nhọn mở đục bỏ quặng thô kia, tiếp đến quán vô duyên thừa pháp không có ngã tánh, giống như dần dần đến chỗ mềm, dùng các vị thuốc tiêu hóa mà không bị tổn hại. Tiếp đến lại sinh tâm Cực vô tự tánh như dùng tro nước sạch lau chùi khiến rất sáng sạch.

Bấy giờ, sinh trong nhà Phật, gọi là đặt ở cờ cao mưa xuống các thứ báu, do nhân duyên này, nên xứng đáng nhận sự cúng dường rộng lớn của người đời. Nếu hành giả, thẳng từ môn Chân ngôn được thấy tâm báu, như vị Tiên khéo chú thuật giỏi, dùng thần lực mà lấy tuy khéo vụng, khó dễ khác nhau, nhưng được vật báu cuối cùng không khác nẻo, vì thế kinh nói: từ cạn đến sâu, nói rộng về tâm tướng: đều là khai thị gốc, ngọn, nhân duyên của tâm Bồ-đề, nếu chỉ nương vào pháp tướng bình thường thì không được nói, đại bí mật của các Đức Phật nay đều mở bày.

**Kinh chép:** Nay Bí Mật Chủ! Tất tín, giải, hành: quán sát ba tâm Vô lượng Ba-la-mật-đa, tuệ quán sát bốn pháp nhiếp, đất tín giải không đối đãi, không so lường, không nghĩ bàn, kiến lập mười tâm vô biên trí sinh. Tông chỉ của kinh này, từ tâm Bồ-đề thanh tịnh lên đến Thập trụ địa, đều là đi giữa tín giải, chỉ có Như lai mới gọi là rốt ráo Nhất thiết trí địa, như trong kinh Hoa Nghiêm chép: Sơ địa Bồ-tát mới có thể tin chỗ nhập bốn hạnh của Như lai, tin thành tựu các Ba-la-mật, tin nhập các thắng địa, tin thành tựu lực, tin đầy đủ vô sở úy, tin bất cộng Phật pháp, tin sinh trưởng không hư hoại, tin Phật pháp không thể suy nghĩ bàn luận, tin sinh ra trong cảnh giới Phật pháp không ở một bên, tin tùy vào cảnh giới vô lượng của Như lai, tin thành tựu quả, đối với các việc như thế, tâm kia rốt ráo không thể phá hoại, lại không theo duyên khác lay chuyển, vì thế gọi là tín giải hành địa, cũng gọi là đến chỗ tu hành.

Quán sát ba tâm: tức là tâm nhân căn rốt ráo, nếu nói chung về tín giải địa thì khi Bồ-tát Sơ địa này được Bồ-đề vô cấu như hư không này thì tự nhiên ở mười Vô tận giới, sinh mười đại nguyện, cho đến đầy đủ trăm muôn A-tăng-kỳ đại nguyện.

Lấy đây tức là tâm Bồ-đề làm nhân, từ Nhị địa trở lên, tu thêm đại bi muôn hạnh, tức là đại nguyện không cùng tận, đối với mười pháp giới sinh gốc, cho đến lần lượt tăng tướng, đến Địa thứ tám trở đi đều gọi là phương tiện Địa.

**Luận Phật tánh chép:** Địa thứ tám trở lên cảnh giới đều đồng, chỉ căn cứ vào phương tiện làm thêm bậc mà thôi, nếu quán xét mỗi Địa cũng tự có ba tâm, như dùng rất nhiều Thập nhân duyên để được vào Sơ địa, gọi là nhân duyên; đã an trụ rồi, dùng các thứ đại bi muôn hạnh làm sạch địa ấy, gọi là nguồn gốc nói làm sạch quả tướng của Địa và nghiệp phương tiện, gọi là rốt ráo. Các địa khác đều Y theo đây.

Kinh này, Vô lượng Ba-la-mật-đa, bốn nhiếp pháp: tức là trị địa. Hành giả từ đây không còn đối đãi, vượt ra ngoài tâm lượng, chỗ không thể suy nghĩ bàn luận. Có mười tâm vô biên trí sinh, tứ là quả tướng Sơ địa. Kinh Hoa Nghiêm chép: Phát mười nguyện lớn rồi thì được tâm lợi ích, tâm mềm dịu, tâm tùy thuận, tâm vắng lặng, tâm điều phục, tâm vắng lặng, tâm nhún mình, tâm nhuần nhã, tâm bất động, tâm không đục, sau lại thành tựu mười pháp tịnh các Địa, cái gọi là tìn Từ bi xả không có mỗi một, biết các kinh, luận, khéo hiểu pháp thế gian, hổ thẹn và năng lực nhân bền vững, cúng dường các Đức Phật, nương giáo tu hành.

Lại nữa, trụ ở địa này rồi, khéo biết các pháp chương ngại các địa, khéo biết sự thành hoại của Địa, khéo biết tướng quả của địa, khéo biết Địa được tu, khéo biết pháp thanh tịnh địa, khéo biết chuyển hành Địa, khéo biết địa xứ, phi địa xứ của địa, khéo biết trí thù thắng của mỗi địa, khéo biết địa địa không lui sụt, khéo biết thực hành hết tất cả Bồ-tát Địa, cho đến chuyển nhập Như lai địa. Những địa như thế có rất nhiều mười tâm, nếu phân biệt rộng thì có trăm muôn A-tăng-kỳ pháp môn cứu giúp, vì thế nói vô biên trí sinh.

Lại y cứ ba tâm trước, làm thành mười tâm để nói: Nếu nói chung tìn giải địa thì Sơ địa là hạt giống (hạt giống) Nhị địa là mầm, Tam địa là chồi, Địa thứ năm giống như hoa, Địa thứ sáu là quả, Địa thứ bảy là thọ dụng hạt giống, Địa thứ tám Vô úy y, cái gọi là quả ở trong quả, Địa thứ chín là có tinh tấn cầu Phật địa tuệ sinh, ấy là tâm tối thắng. Thập địa này tâm quyết định, hai tâm này cảnh giới không khác, vẫn là trong tâm thứ tám, Y theo phương tiện chuyển khai ra.

Nếu trong mỗi Địa, cũng tự đủ mười tâm này, hơn nữa như khi trụ Sơ địa, thành tựu pháp tịnh trị các địa và biết tướng các Địa, tức là trước hiểu một Địa xong, nương đầy làm nhân trí tuệ thêm lớn, lại hiểu Địa

thứ hai, dùng mười thứ tâm so sánh, suy ra có thể biết. Hoa Nghiêm có rất nhiều mười pháp môn, cũng phải căn cứ vào đây thứ lớp rộng phân biệt nói.

Nhưng tông của kinh này, từ Sơ địa đã được nhập Kim cang Bảo Tạng (kho báu Kim cang). Kinh Hoa Nghiêm Thập Địa, mỗi mỗi danh ngôn, nương vào pháp A-xà-lê đã truyền đều phải có hai cách giải thích:

1. Giải thích cạn, lược.
2. Giải thích sâu, rộng.

Nếu không thông đạt mật hiệu như thế, chỉ nương vào văn để nói thì nhân duyên sự tướng, phải trải qua Thập Trụ phẩm. Nếu hiểu mười sáu vị Đại Bồ-tát từ Kim cang đĩnh sinh ra thì tự sẽ chứng biết.

**Kinh chép:** ta có chỗ nói tất cả pháp, đều nương đây mà đắc, như trên, tất cả trí địa vô tận pháp giới trang nghiêm và vô lượng Tu-đa-la khác, Phật đã khen ngợi vô lượng hạnh quả, đều nhân đây mà được, thế nên các kinh, rộng khen ngợi cành lá hoa quả của Sa-la Thọ vương như vậy.

Nay trong kinh này, chỉ nói về hạt giống (hạt giống) và nhân duyên sinh ra lớn lên của Thọ vương này. Nếu lia nhân duyên này mà có thể thành quả kia, là việc không có, sở dĩ gọi là Đại Nhật Kinh Vương, chẳng phải vì đây sao? Kinh lại nêu lên sự lợi ích và khuyến khích tu hành như thế, cho nên người trí phải suy nghĩ tất cả trí, tín, giải, địa này; lại phải vượt một trăm sáu mươi tâm một lớp hoặc nhỏ nhiệm, gọi là vượt qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp.

Hành giả khi mới quán tánh không, hiểu tất cả pháp đều nhập vào mé thật của tâm, dưới không thấy chúng sinh để độ, trên không thấy các Phật để cầu; bấy giờ muôn hạnh dừng nghỉ, nói là rốt ráo, nếu trụ ở đây thì không lui sụt rơi vào địa vị Nhị thừa, không tiến lên được địa vị Bồ-tát, gọi là pháp ái sinh, cũng gọi là tâm vô ký, nhưng do thế lực tâm Bồ-đề và năng lực gia trì của Như lai, có thể trở lại phát khởi bi nguyện, bấy giờ, các Đức Phật trong mười phương cùng một lúc hiện ra khuyến dụ, được Phật dạy trao, nên chuyển sinh Cực Vô Tự Tánh Tâm cho đến mé thật của tâm cũng không thật có, tuy giải thoát tất cả nghiệp phiền não, nhưng nghiệp phiền não vẫn còn đầy đủ, đến bất tư nghì địa này, mới gọi là chân thật xa lìa Nhị thừa địa.

Căn cứ vào nghĩa trong ba cú trước, lại khai mở Phật Địa là tâm phương tiện thượng thượng, đến khi tâm thứ tư này gọi là rốt ráo Nhất thiết trí địa, nên gọi là một trong bốn phần này vượt qua tín giải.